



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: + 84 4 2726 2600

Fax: +84 4 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn





ĐỒNG HÀNH CÙNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

NỘI DUNG

TỔNG QUAN

Trang 03 - 32

- 03 **Thông điệp của Chủ tịch HĐQT**
- 07 **Thông tin chung về Công ty**
- 08 Quá trình thành lập và phát triển
- 09 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 11 Các lĩnh vực hoạt động
- 15 Các rủi ro
- 17 Mạng lưới hoạt động
- 19 Sơ đồ tổ chức
- 21 Nhân sự chủ chốt
- 27 Giải thưởng tiêu biểu
- 29 Định hướng phát triển giai đoạn 2015 - 2020
- 31 **Quan hệ cổ đông**

BÁO CÁO KẾT QUẢ 2015 KẾ HOẠCH 2016

Trang 33 - 52

- 33 **Tổng quan nền kinh tế
Và TTCK 2015**
- 35 **Báo cáo của HĐQT**
- 35 Đánh giá của HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty năm 2015
- 37 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành
- 38 Kế hoạch hoạt động của HĐQT 2016
- 39 **Báo cáo của Ban TGD**
- 39 Đánh giá kết quả kinh doanh 2015
- 43 Đánh giá các lĩnh vực hoạt động
- 50 Những tiến bộ đạt được trong năm
- 51 Mục tiêu và cam kết hành động 2016

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Trang 53 - 58

- 53 **Hội đồng Quản trị**
- 55 **Ban Kiểm soát**
- 58 **Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trang 59 - 124

- 59 **Báo cáo tài chính**
- 60 Báo cáo của Ban TGD
- 61 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 63 Bảng cân đối kế toán
- 66 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 67 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 69 Báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu
- 71 Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



“Với sứ mệnh mang đến cơ hội đầu tư và tăng trưởng cho từng khách hàng và cổ đông”, chúng tôi sẽ không ngừng nỗ lực để trở thành công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân và chuyên nghiệp nhất trong lĩnh vực dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam”.

Kính thưa các quý vị cổ đông, quý khách hàng và các đối tác của MBS!

Năm 2015 đã khép lại với nhiều diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới như áp lực từ động thái nâng lãi suất của FED, Trung Quốc giảm giá đồng nhân dân tệ, giá hàng hóa thế giới giảm sâu... làm ảnh hưởng đến tài chính của nhiều quốc gia. Trong nước, kinh tế phục hồi tích cực với mức tăng trưởng GDP đạt gần 6,7%, lạm phát xuống thấp đạt 0.63%. Mặc dù vậy, tình hình doanh nghiệp chưa hết khó khăn, dư địa hỗ trợ từ chính sách tài khóa không còn nhiều. Với những khó khăn và thuận lợi đan xen nói trên, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm nhiều biến động. Chỉ số VN-Index đóng cửa cuối năm 2015 ở mức 579,03 điểm, tăng 6,1% so với giá trị đóng cửa năm 2014, thanh khoản thị trường sụt giảm hơn 25%; chỉ số HNX-Index đứng ở mức 79,96 điểm giảm 3,6% so với cuối năm 2014.

Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của toàn thể CBNV, sự hỗ trợ to lớn của Ngân hàng Quân đội, và sự ủng hộ của các đối tác, khách hàng, MBS vẫn tiếp tục khẳng định vị trí của mình trong Top đầu các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Hiện tại, MBS đang đứng thứ 6 trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất tại sàn HSX và đứng thứ 5 trên sàn HNX. Với nhận thức khách hàng là tài sản quý giá, chúng tôi luôn chú trọng đầu tư theo chiều sâu, tối ưu hóa nghiệp vụ môi giới, nâng cao chất lượng tư vấn, đồng thời luôn gần gũi, lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư nguyện vọng của khách hàng để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu và mong muốn của khách hàng. Những đóng góp quý báu đó chính là động lực để chúng tôi nỗ lực phấn đấu xây dựng và phát triển công ty ngày một vững mạnh.

Trên cơ sở chiến lược phát triển được xây dựng bài bản cho giai đoạn 2015-2020, chúng tôi luôn xác định rõ các hướng đi trong hoạt động kinh doanh, tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động môi giới và dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm mang đến cơ hội đầu tư hiệu quả và tăng trưởng tài chính cho khách hàng. Hiện tại, số lượng tài khoản giao dịch tại MBS đã đạt trên 65 nghìn tài khoản. Mạng lưới chi nhánh/phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đồng Nai, Đà Nẵng... và đặc biệt công ty đã khẳng định hướng đi đúng đắn khi đẩy mạnh khai thác thị trường tại khu vực phía Nam.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

Với những kinh nghiệm thực tế trong 15 năm hoạt động, MBS luôn đánh giá tầm quan trọng của công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty và thực hiện một cách hiệu quả. Công tác kiểm soát chi phí, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro luôn được tăng cường, bảo toàn tối đa các thành quả đầu tư nhưng vẫn linh hoạt thích ứng với những biến động của thị trường. Năm 2015, trong bối cảnh thị trường có những biến động mạnh, MBS đã chủ động cân đối được nguồn vốn, kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh, không để phát sinh nợ xấu, tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn duy trì trên mức qui định tối thiểu và chủ động trích lập dự phòng trước những biến động của thị trường, phù hợp với sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Kết quả lợi nhuận năm 2015 tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng các mục tiêu lớn của công ty về việc thực thi các trụ cột kinh doanh theo chiến lược đặt ra vẫn được đảm bảo và đây chính là tiền đề thuận lợi để công ty phát triển trong những năm tiếp theo.

Tại MBS, chúng tôi luôn chú trọng kiện toàn tổ chức; giữ chân, thu hút và đào tạo đội ngũ nhân sự giỏi làm nền tảng cho sự phát triển của công ty. Ngoài ra, chúng tôi cũng luôn quan tâm nâng cao đời sống của CBNV, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của MBS nhưng vẫn hòa chung với văn hóa của Tập đoàn MB, nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó, quyết tâm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện. Hoạt động xã hội cũng được MBS tiếp tục duy trì, nhiều chương trình từ thiện đã được tổ chức nhằm chia sẻ khó khăn với cộng đồng đúng như tinh thần giá trị cốt lõi của MBS.

Năm 2016, kinh tế vĩ mô được kỳ vọng sẽ ổn định theo hướng tích cực với tăng trưởng GDP ở mức 6,7%, các hiệp định thương mại quan trọng đã được thông qua sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu, giúp doanh nghiệp hội nhập quốc tế sâu rộng hơn, qua đó thúc đẩy tăng trưởng của cả nền kinh tế nói chung và TTCK nói riêng.

Hướng đến khát vọng nằm trong Top 3 thị trường về dịch vụ môi giới và Top 5 thị phần dịch vụ IB vào năm 2020, chúng tôi sẽ kiên định với mục tiêu và thực hiện các giải pháp chiến lược đã đề ra trong năm 2016, chú trọng phát huy thế mạnh cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ hiện có, đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Với phương châm “Tăng trưởng nhanh, chuyên biệt, hiệu quả”, chúng tôi đã sẵn sàng bước sang giai đoạn mới khi MBS sắp chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Với đội ngũ nhân sự đầy nhiệt huyết, chuyên nghiệp, tri thức vững vàng, không ngừng sáng tạo và đổi mới, chúng tôi tin rằng MBS sẽ ngày càng lớn mạnh và thành công, hướng đến mục tiêu trở thành “Công ty cung cấp các dịch vụ chứng khoán tốt nhất cho khách hàng”.

Thay mặt HĐQT MBS, tôi xin trân trọng cảm ơn các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng MBS; xin cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên công ty vì những đóng góp tận tâm, sáng tạo và nỗ lực đưa MBS vượt qua khó khăn thử thách, sẵn sàng cùng công ty bước sang một giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn!

Cao Thị Thúy Nga
CHỦ TỊCH HĐQT

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tự hào là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Với “giải pháp kinh doanh chuyên biệt”, MBS đã tạo dựng vị thế một công ty chứng khoán lớn, uy tín, chuyên tư vấn, cung cấp dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Là một công ty thành viên của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), được thành lập ngày 11/5/2000, MBS kế thừa nền tảng thương hiệu uy tín cũng như nhận được sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Bằng những nỗ lực không ngừng, MBS luôn duy trì vị thế là một trong số các công ty chứng khoán đứng đầu thị trường tại cả hai sở giao dịch chứng khoán HSX và HNX.

Tên giao dịch: Công ty CP Chứng khoán MB

Tên viết tắt: MBS

Giấy phép thành lập: Số 05/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 11/05/2000

Vốn điều lệ: 1.221.242.800.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015: 1.308.683.749.110 VNĐ

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng M - 3 - 7, Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 3726 2600

Fax: +84 4 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

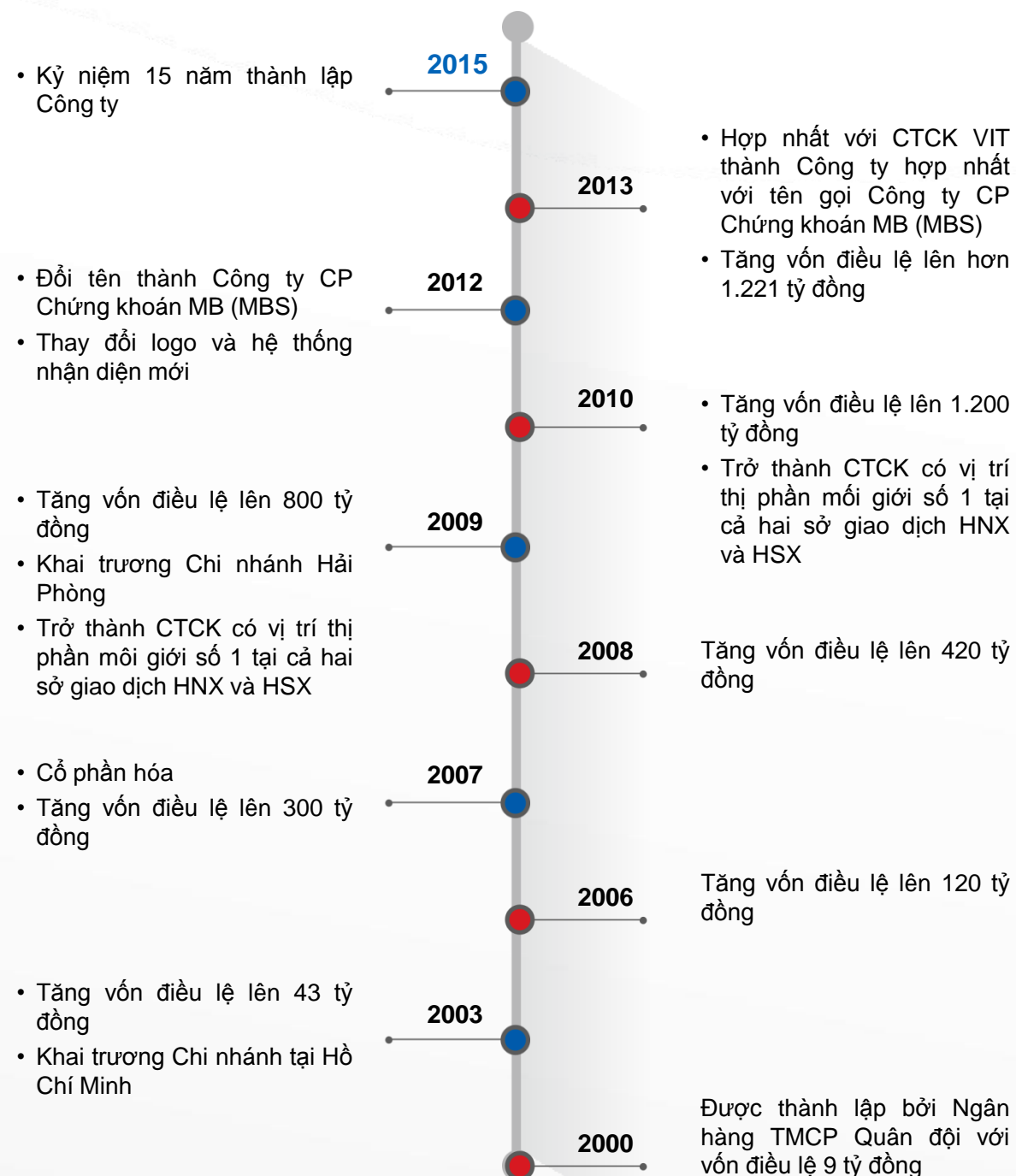
Email: etrading@mbs.com.vn

Các lĩnh vực hoạt động

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh và phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

MBS chú trọng phát triển hai mảng hoạt động chính là dịch vụ chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động nghiên cứu chuyên sâu.

QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Công ty cung cấp các dịch vụ chứng khoán tốt nhất cho Khách hàng.

SỨ MỆNH

Mang đến cơ hội đầu tư và tăng trưởng tài chính cho từng Khách hàng và Cổ đông.

Thực tiễn là nơi kiểm nghiệm các sáng tạo của MBS. Sáng tạo được thể hiện trong từng quy trình thực hiện công việc và nghiên cứu đưa ra giải pháp, từ việc không ngừng tìm hiểu, học tập, lắng nghe và áp dụng tất cả những thay đổi phù hợp nhất để đạt được những giải pháp tối ưu nhất với từng khách hàng riêng biệt. Sáng tạo góp phần quan trọng đảm bảo sự phục vụ tốt nhất đối với từng nhóm đối tượng khách hàng của MBS.

MBS cam kết chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và lợi nhuận cho cộng đồng xã hội, giúp tạo ra một thị trường vốn phục vụ hiệu quả nhất phát triển kinh tế đất nước.

Đồng thời, MBS mang đến cho các gia đình và doanh nghiệp các giá trị đầu tư và tài chính tối ưu.

Một tổ chức một mục tiêu - không có một cá nhân nào là quá quan trọng tại MBS.

Để thống nhất mục tiêu, hành động, các cán bộ quản lý MBS cần là những người nắm bắt được chiến lược của công ty, biết giao việc theo tiêu chuẩn SMART, định hướng cách giải quyết công việc và giám sát kết quả của các công việc đó.

LỢI THẾ CẠNH TRANH

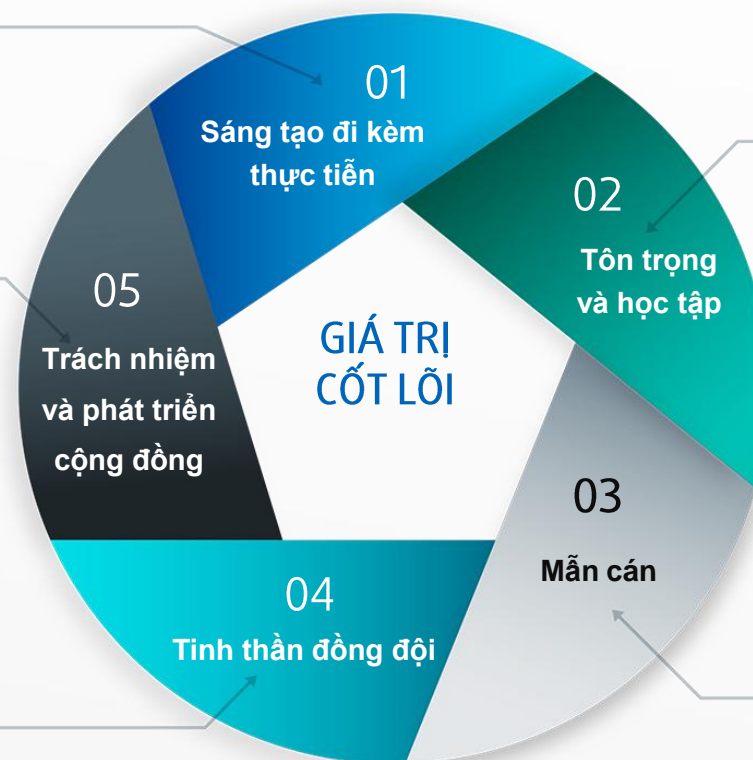
- Nền tảng khách hàng lớn
- Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản
- Dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt và an toàn
- Công nghệ đồng bộ, hiện đại

MBS đề cao sự tôn trọng các ý tưởng sáng tạo, các ý kiến đóng góp của từng cá nhân; đồng thời, đánh giá cao tinh thần học tập lẫn nhau giữa các cá nhân và từ yêu cầu của từng khách hàng.

Tôn trọng còn được thể hiện qua việc đáp ứng nhanh nhất nhu cầu khách hàng thông qua việc lắng nghe, hỏi sâu để thấu đáo vấn đề. Đó được coi là giá trị lớn nhất, là trách nhiệm trọng yếu của từng cá nhân thuộc MBS, tạo nên sự khác biệt về phong cách phục vụ của MBS.

Để thành công và được khách hàng và đối tác tin cậy và lựa chọn, Người MBS cần phải làm việc khẩn trương tức là chủ động làm việc, luôn nghĩ ra cách thực hiện công việc tốt hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn.

MBS đồng thời duy trì kỷ luật cao để triển khai nhanh, nhất quán các quy trình công việc, ý tưởng sáng tạo và các cam kết, đặc biệt là các cam kết liên quan đến an toàn tài chính với khách hàng và nhân viên MBS.



Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tập trung phát triển hai mạng hoạt động chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ ngân hàng đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động nghiên cứu chuyên sâu.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

MBS cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tư vấn tài chính đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức. Các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán gồm: mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư, hỗ trợ tài chính, ủy thác quản lý tài khoản và dịch vụ điện tử.

Các sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử của MBS

STOCK24 là sản phẩm giao dịch trực tuyến được MBS nghiên cứu và phát triển nhằm cung cấp các tiện ích giao dịch và hỗ trợ tra cứu thông tin cho khách hàng.

Stock24 là một sản phẩm thân thiện, đơn giản và dễ sử dụng, dành cho mọi đối tượng khách hàng giao dịch chứng khoán tại MBS. Chỉ cần một máy tính được kết nối Internet, dù ở bất kỳ đâu, khách hàng truy cập vào địa chỉ <http://stock24.mbs.com.vn> là có thể sử dụng một chuỗi dịch vụ khép kín như giao dịch chứng khoán, giao dịch tiền, quản lý danh mục đầu tư, nhận bản tin chứng khoán và các tác nghiệp khác trên cùng hệ thống.

Đặc biệt, tính đến nay MBS là công ty chứng khoán đầu tiên và duy nhất triển khai dịch vụ tư vấn trực tuyến real time thông qua sản phẩm “Chiến lược đầu tư” trên phần mềm giao dịch trực tuyến. Tùy vào từng “khẩu vị” đầu tư mà khách

hàng lựa chọn, khách hàng sẽ được tư vấn một số mã chứng khoán với khuyến nghị cụ thể về các vùng giá giao dịch để có quyết định đầu tư phù hợp.

CONTACT24 là hệ thống tổng đài tra cứu thông tin tự động và giao dịch qua điện thoại của MBS, chỉ một đầu số riêng biệt cho phép khách hàng lựa chọn nhiều tính năng, dịch vụ khác nhau.

Khách hàng có thể gọi đến tổng đài **1900 9088** để:

- Tra cứu thông tin tài khoản tự động, tra cứu số dư, kết quả khớp lệnh trong ngày, thông báo và thông tin thực hiện quyền.
- Đổi mật khẩu Contact24 tự động.
- Gặp nhân viên đặt lệnh và tra cứu thông tin tài khoản.
- Yêu cầu hỗ trợ: lấy lại mật khẩu Contact24 tự động, hỗ trợ Stock24, hỗ trợ thông tin khác.

QUOTE24 là bảng giá chứng khoán dành cho tất cả các khách hàng có nhu cầu sử dụng tại địa chỉ <http://quote24.mbs.com.vn>, với những tiện ích ưu việt:

- Tốc độ kết nối và tải dữ liệu nhanh nhất hiện nay;
- Hỗ trợ đồ thị theo dõi biến động chỉ số của 3 sàn HSX/HNX/Upcom;
- Chọn mã chứng khoán nhanh, tạo và chọn danh mục chứng khoán mặc định để “treo” lên đầu bảng giá;
- Tra cứu nhanh thông tin các mã chứng khoán bằng cách click trực tiếp vào mã chứng khoán.
- Theo dõi giá trung bình sàn HNX, room nước ngoài;
- Tích hợp với nhiều trình duyệt thông dụng như Chrome, Firefox, IE, Safari...

Ngoài ra, MBS còn cung cấp bảng giá chứng khoán Quote24Pro dành riêng cho khách hàng sử dụng Stock24 với nhiều tính năng nâng cao:

- Tích hợp bảng giá tổng hợp giúp khách hàng lựa chọn các danh mục đầu tư cũng như tự tạo danh mục mặc định với các mã chứng khoán trên HSX, HNX, Upcom để theo dõi trên cùng một màn hình;
- Hỗ trợ theo dõi thông tin chi tiết của một mã chứng khoán: các deal khớp trong phiên, tổng dư mua, tổng dư bán, đồ thị khớp lệnh;

- Kết nối trực tiếp với Stock24, giúp khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

OPEN24 là dịch vụ mở tài khoản trực tuyến áp dụng cho khách hàng cá nhân trong nước muốn mở tài khoản trực tuyến tại MBS. Khách hàng dễ dàng hoàn tất việc khai báo thông tin Online chỉ trong 1 bước thông qua trang web Open24 tại địa chỉ: <http://open24.mbs.com.vn/Presentation/Welcome.aspx>. Sau khi hoàn tất việc khai báo thông tin mở tài khoản, khách hàng in 02 bộ hồ sơ và mang tới các Điểm giao dịch trực tuyến hoặc Chi nhánh/ Phòng Giao dịch của MBS để được kích hoạt tài khoản.

Mở tài khoản tại MBS, khách hàng có thể sử dụng các dịch vụ Giao dịch chứng khoán, Giao dịch tiền, Quản lý tài khoản qua kênh giao dịch trực tuyến Stock24, qua tổng đài Contact24 hoặc trực tiếp tại các sàn giao dịch.

SMS24 là dịch vụ thông báo kết quả khớp lệnh, tra cứu kết quả khớp lệnh và tra cứu số dư tài khoản, tra cứu thông tin thị trường và thông tin chứng khoán qua tin nhắn SMS.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2015, MBS chú trọng phát triển các hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư bao gồm:

Tư vấn phát hành cổ phiếu (ECM)

MBS tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục và yêu cầu pháp lý trong việc phát hành các sản phẩm chứng khoán có tính chất cổ phiếu như cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi và trái phiếu chuyển đổi. Là một trong số ít các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn tại Việt Nam, MBS đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân đa dạng, tạo nên lợi thế để MBS giúp khách hàng huy động vốn thành công thông qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng. MBS cũng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành để đảm bảo đợt phát hành của khách hàng diễn ra thành công với một mức giá được hai bên thỏa thuận trước.

Tư vấn trái phiếu (DCM)

MBS tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục và yêu cầu pháp lý trong việc phát hành các công cụ nợ như trái phiếu doanh nghiệp. MBS có một mạng lưới khách hàng tổ chức đa dạng như các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, tạo nên lợi thế để MBS giúp khách hàng huy động vốn thành công thông qua chào bán riêng lẻ hoặc công khai. MBS cũng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành để đảm bảo đợt phát hành của khách hàng diễn ra thành công với một mức chi phí huy động vốn hợp lý.

Tư vấn M&A

Dịch vụ tư vấn M&A của MBS giúp khách hàng (bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai) trong việc tìm kiếm đối tác phù hợp nhất, kết nối bên mua và bên bán trên tinh thần đôi bên cùng có lợi. MBS cung cấp các dịch vụ trọn gói cho bên bán hoặc bên mua từ các khâu lên kế hoạch cấu trúc giao dịch, xác định bên mua hoặc bên bán mục tiêu, thẩm định đặc biệt (DD), định giá, thương lượng mua bán, và hỗ trợ các vấn đề thủ tục pháp lý cần thiết để đảm bảo giao dịch thành công.

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Danh mục khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của MBS không ngừng được mở rộng. Trên cơ sở đó, MBS đã xây dựng và liên tục cập nhật được một cơ sở dữ liệu phong phú về các cơ hội đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau tại các tỉnh thành lớn của Việt Nam, từ chế biến thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bất động sản, dịch vụ tài chính, khu công nghiệp, sản xuất công nghiệp, năng lượng, trồng và chế biến mủ cao su đến xây dựng và khai thác cảng biển... Kinh nghiệm làm việc với các nhà đầu tư đến từ các quốc gia khác nhau và sự hiểu biết sâu sắc của đội ngũ nhân sự của MBS về các yêu cầu của nhà đầu tư sẽ giúp cho quá trình mua bán hay sáp nhập của khách hàng trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

Việc phát triển dịch vụ ngân hàng đầu tư và khách hàng tổ chức cũng được sự hỗ trợ lớn của MB từ thông tin và các sản phẩm liên kết. MBS có thể tự tin rằng mạng lưới khách hàng sẽ ngày càng được mở rộng và củng cố cùng với sự phát triển và nâng cao chất lượng của hệ thống sản phẩm dịch vụ tại MBS. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là một nhà đầu tư lớn trên thị trường trái phiếu nên đây cũng là một yếu tố thuận lợi để MBS và MB có thể giúp các doanh nghiệp phát hành trái phiếu thành công.

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU

Hoạt động của các bộ phận trong Trung tâm Nghiên cứu MBS có tính tương hỗ rất cao, các nghiệp vụ được triển khai trên cơ sở cách tiếp cận từ trên xuống, từ vĩ mô tới vi mô (TOP – DOWN), sản phẩm của các bộ phận luôn là một phần trong sản phẩm tổng thể của Trung tâm Nghiên cứu.

Mảng Kinh tế vĩ mô

Hai sản phẩm Nghiên cứu kinh tế - **VietnamOutlook** và Thị trường trái phiếu - **FixedIncome** được phát hành định kỳ và gửi trực tiếp cho khách hàng đảm bảo đưa ra các phân tích và cập nhật nhanh nhất, đầy đủ nhất các diễn biến của nền kinh tế Việt Nam. Các phân tích và đánh giá chung về kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ đã hỗ trợ tích cực cho quá trình ra

quyết định đầu tư của khách hàng qua đó gia tăng hiệu quả trong hoạt động đầu tư.

Mảng Kinh tế ngành và doanh nghiệp

MBS đã đưa ra hệ thống sản phẩm gồm các Báo cáo phân tích cổ phiếu và Bản tin ngày được thiết kế riêng cho nhà đầu tư tổ chức.

Mảng Chiến lược thị trường

Với hoạt động bám sát thị trường và đưa ra các khuyến nghị liên tục, ngoài việc đưa ra nhận định chung về thị trường, bộ phận chiến lược thị trường cũng bám sát dòng vốn nước ngoài cũng như các hoạt động cơ cấu của các quỹ ETF nhằm đưa ra các cảnh báo cho nhà đầu tư cũng như broker của MBS. Bộ phận Chiến lược thị trường còn thường xuyên gần gũi với khách hàng MBS thông qua chuỗi Hội thảo định kỳ MBS's Talk, MBS's Mini Talk với nội dung phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, nhận định diễn biến thị trường chứng khoán đồng thời đưa ra những khuyến nghị cụ thể với những ngành hoặc mã chứng khoán có tiềm năng.

Mảng Cơ sở dữ liệu

Bộ phận cơ sở dữ liệu liên tục thu thập, nâng cao khả năng sử dụng các công cụ cung cấp dữ liệu phục vụ cho các sản phẩm chung của Trung tâm Nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

CÁC RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Trên cơ sở chủ trương quản trị rủi ro chặt chẽ được quán triệt trên toàn hệ thống MBS để đạt mục tiêu kinh doanh hiệu quả và bền vững, hoạt động quản trị rủi ro phải đảm bảo không chỉ lợi ích của công ty mà còn lợi ích của cả khách hàng. Từ đó, MBS liên tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức rủi ro trên toàn hệ thống, chia sẻ kinh nghiệm và cảnh báo rủi ro qua các hoạt động truyền thông nội bộ đồng thời xây dựng và đưa ra các điều chỉnh phù hợp về chính sách quản trị rủi ro cũng như khẩu vị rủi ro cho từng thời kỳ. Mặt khác, MBS có hệ thống kiểm soát độc lập bao gồm quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát được duy trì hoạt động đánh giá độc lập, khách quan và liên tục lên các chương trình rà soát luân phiên nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro phát sinh gây thiệt hại cho công ty. Kết quả quản trị trong năm 2015, MBS đã không để xảy ra các loại rủi ro trọng yếu, thiệt hại rủi ro do sự kiện rủi ro phát sinh không đáng kể.

CÁC RỦI RO ĐẶC THÙ VÀ CÁCH THỨC QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh từ những biến động bất lợi và ngoài dự kiến của thị trường như lãi suất, thị giá cổ phiếu... dẫn đến sự sụt giảm về giá trị tài sản của công ty. Có thể thấy, hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán ở các mảng đầu tư tự doanh, đầu tư tiền gửi và cho vay giao ký quỹ chịu ảnh hưởng trực tiếp của rủi ro thị trường.

Để giảm thiểu rủi ro thị trường, MBS xác định hệ thống quản trị rủi ro của công ty phải được thiết lập và vận hành trên toàn hệ thống, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ khâu theo dõi, cập nhật tình hình thị trường, cổ phiếu đến khâu đánh giá, nhận định, dự báo, xây dựng chiến lược đầu tư cũng như từ hệ thống các tiêu chí cảnh báo đến quy trình tác nghiệp, phối hợp xử lý trong các tình huống đặc thù.

Với mục tiêu kiểm soát rủi ro thị trường tốt hơn, trong năm 2015, MBS đã đẩy mạnh tiếp cận và nghiên cứu chuyên sâu một số mô hình đo lường rủi ro mới, điển hình là mô hình Var (Value at risk); đồng thời tham vấn các đánh giá độc lập của chuyên gia KPMG về rủi ro thị trường và rủi ro thanh toán trong chương trình Basel 2 của Tập đoàn MB.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thu hồi đầy đủ và đúng hạn các khoản vốn đầu tư do đối tác/khách hàng không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Dựa trên cơ sở nhận diện rủi ro một cách toàn diện và thực tế hoạt động của công ty, MBS nhận thấy rủi ro thanh toán có thể hiện diện trong nhiều hoạt động kinh doanh của công ty nhưng trọng yếu là trong nghiệp vụ cung cấp dịch vụ tài chính.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro cho cả khách hàng và MBS, công ty đã xây dựng một hệ thống công nghệ quản trị tự động, hạn chế yếu tố của con người can thiệp trong

việc kiểm soát tài sản cho khách hàng và thực hiện các cam kết và nghĩa vụ của khách hàng để bảo toàn vốn cho công ty. Đồng thời, danh mục cho vay của MBS được thẩm định định kỳ theo bộ tiêu chí chuẩn mực trên cơ sở nền tảng là thanh khoản của cổ phiếu và giá trị cơ bản của doanh nghiệp. Trong năm vừa qua, MBS đã duy trì được chỉ tiêu nợ xấu, nợ quá hạn là 0 đồng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi MBS không có khả năng thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn; không đáp ứng được nhu cầu giải ngân mua ký quỹ chứng khoán của nhà đầu tư cũng như không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản nếu xảy ra sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, vì vậy, MBS luôn chú trọng đối với các hoạt động nguồn vốn từ việc lên kế hoạch nguồn, dự kiến thu chi, huy động nguồn đến phân bổ nguồn vốn; đảm bảo đồng thời cả hai tiêu chí: đáp ứng được nhu cầu của các mảng hoạt động kinh doanh và hiệu quả về mặt chi phí.

Với chủ trương quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ, MBS đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị dòng tiền và các quy trình phối hợp giữa kinh doanh và các bộ phận nghiệp vụ, đảm bảo thông tin được cập

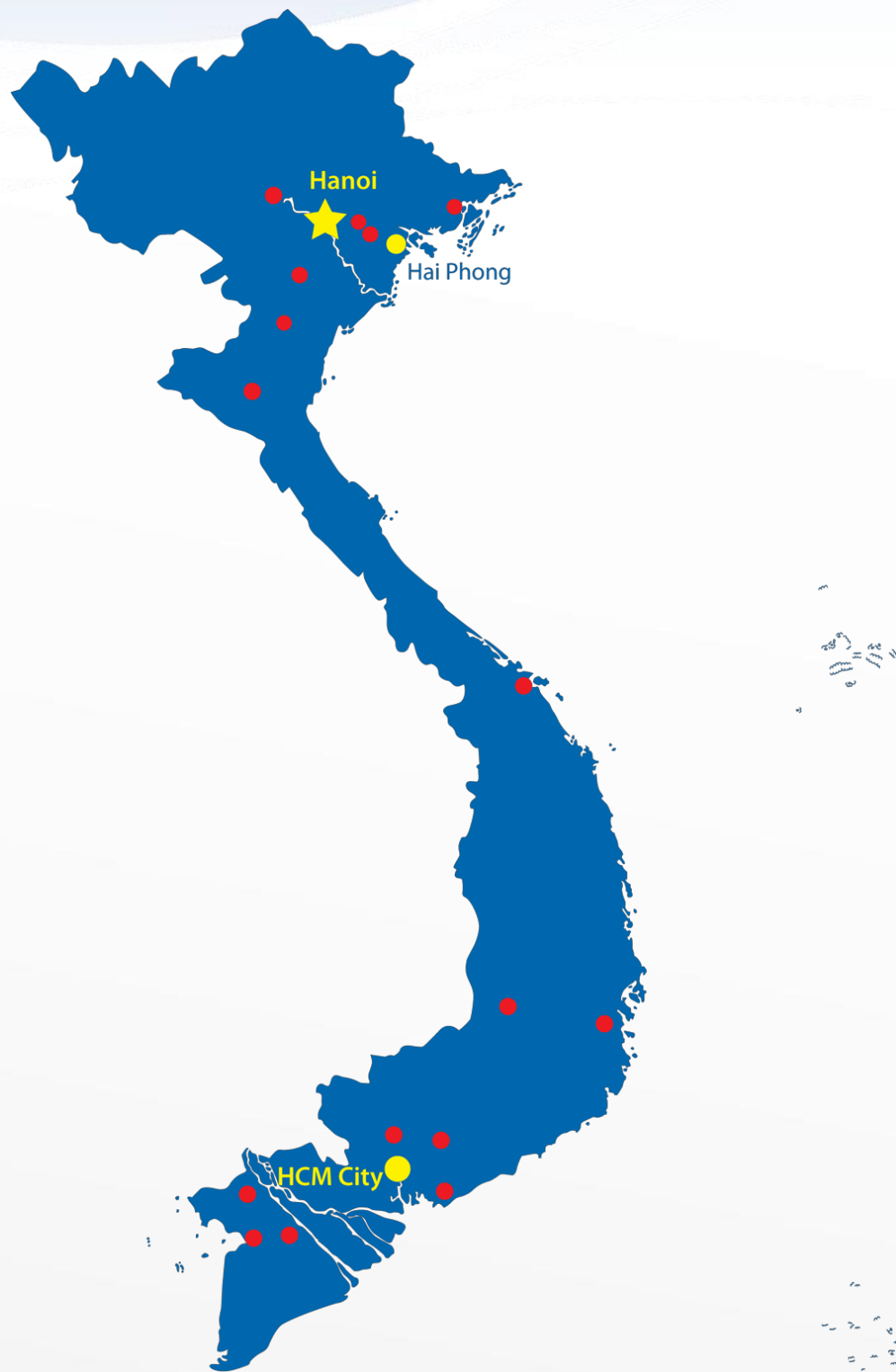
nhập kịp thời. Trong năm 2015, MBS đã không để xảy ra rủi ro mất thanh khoản.

Rủi ro hạ tầng công nghệ - bảo mật thông tin

Hạ tầng công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các dịch vụ mà MBS cung cấp đến khách hàng, các hoạt động nghiệp vụ nội bộ cũng như hoạt động truyền thông của công ty. Các rủi ro về hệ thống công nghệ thông tin có thể phát sinh như: mất kết nối, gián đoạn giao dịch của khách hàng; sai lệch, mất số liệu của khách hàng; xâm nhập của hacker làm rối loạn hệ thống, không đảm bảo việc bảo mật thông tin của khách hàng và của công ty chứng khoán.

Nhằm hướng tới dịch vụ trực tuyến tối ưu cho khách hàng, MBS không ngừng hoàn thiện hệ thống và tích hợp các tính năng sản phẩm hỗ trợ trên hệ thống trực tuyến. Cụ thể, MBS xây dựng các tầng bảo mật theo chuẩn quốc tế, ngăn chặn virus, hacker xâm nhập đảm bảo an toàn về bảo mật thông tin cho khách hàng. Nhờ vậy, trong nhiều năm qua, MBS đã luôn duy trì được một hệ thống công nghệ thông tin ổn định, không để gián đoạn giao dịch của khách hàng.





Hội sở

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 3726 2600
Fax: +84 4 3726 2601

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, 98A Nguyễn Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84 4 7305 7386
Fax: +84 4 3569 0257

Chi nhánh Hoàn Kiếm

Tầng 5, 14C Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3733 7671
Fax: +84 4 3733 7890

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 3, tòa nhà EVN, số 7B Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: +84 31 382 1886
Fax: +84 31 374 7739

Chi nhánh Hồ Chí Minh

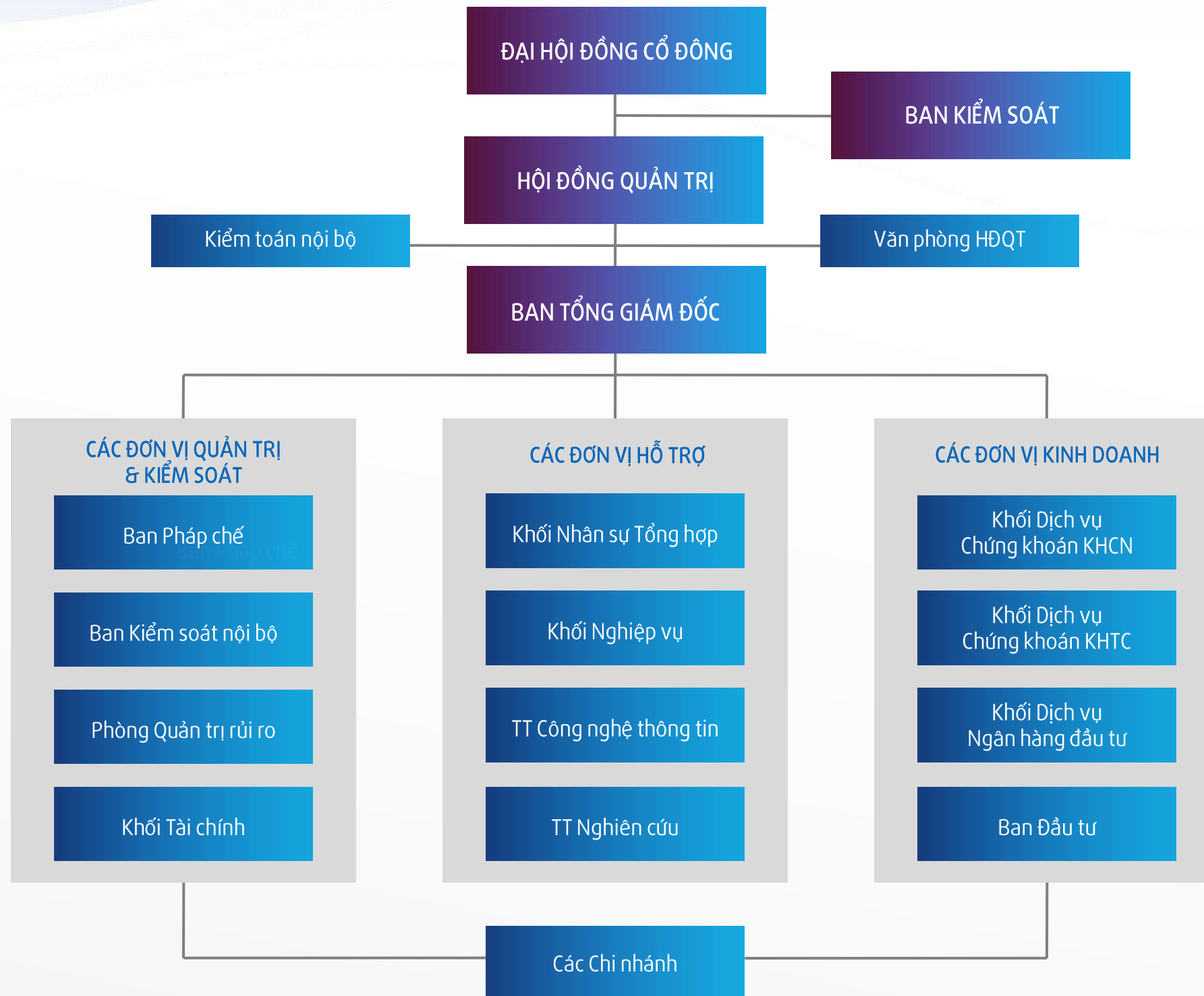
Tầng 5, tòa nhà Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 3920 3388
Fax: +84 8 3838 5181

Chi nhánh Sài Gòn

150 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 7305 7386
Fax: +84 8 3914 0938

Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Số 3 Nguyễn Oanh, Quận Gò Vấp, TP. HCM
Tel: +84 8 3989 4425
Fax: +84 8 3989 4428





Bà CAO THỊ THÚY NGÀ
Chủ tịch HĐQT

Bà Cao Thị Thuý Nga hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Nguyên Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà có 11 năm kinh nghiệm về lĩnh vực tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hơn 12 năm là Kế toán trưởng kiêm Phụ trách nhân sự tại Ngân hàng liên doanh VID PUBLIC. Bà Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Tài chính - Kế toán và đã tham gia các khoá học Kiểm toán quốc tế tại Công ty Kiểm toán Việt Nam. Bà Nga là thành viên HĐQT đại diện vốn của MB tại MBS.



Ông HOÀNG MINH TUẤN
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Minh Tuấn gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ tháng 12/2010 và hiện là Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân. Ông Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1998, và có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, hơn 5 năm giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh tại Sacombank.



Ông TRẦN HẢI HÀ
Thành viên HĐQT
Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).



Bà ĐẶNG THÚY DUNG
Thành viên HĐQT

Bà Đặng Thuý Dung gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ năm 1995. Trải qua gần 20 năm kinh nghiệm gắn bó phát triển cùng MB, bà Dung đã được giao nhiều trọng trách như: Trưởng phòng hỗ trợ Treasury, Trưởng phòng Kế toán Hội sở, Thành viên Văn phòng triển khai chiến lược, Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ. Bà Dung tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính tại Học viện Tài chính, là thành viên HĐQT đại diện vốn của MB tại MBS.



Bà ĐOÀN KIM DUNG
Thành viên HĐQT

Bà Đoàn Kim Dung tốt nghiệp Học viện Tài chính năm 1996 và gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ năm 1997. Với 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, bà Dung hiện đang là Phó Giám đốc Tài chính - Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Trước đó bà Dung đã được giao nhiều trọng trách tại MB như: Phó phòng Kế toán Hội sở, Phụ trách Trung tâm Thẻ, Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Điện Biên Phủ.



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).



Bà PHÙNG THỊ THANH HÀ
Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà là Thạc sỹ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée – Aix Marseille II (Pháp), khoa Quản trị doanh nghiệp. Bà Hà là người có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quản lý như Trưởng Bộ phận Thẩm định Khách hàng cá nhân, Trưởng Bộ phận Thẩm định Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Phó phòng Thẩm định Hội sở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và Trưởng phòng Quản trị rủi ro tại Công ty CP Chứng khoán MB (MBS).

Nắm giữ 1.828 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.



Ông LÊ THÀNH NAM
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam gia nhập Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) năm 2013. Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, từng giữ các chức vụ quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Công ty TMDV Giấy Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư Phú Tín, Thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và hiện nay là Thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4 và Thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc Thú ý Cai Lậy.

Nắm giữ 25.389 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Trịnh Khắc Hậu thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- Giao nhiệm vụ Ông Lê Thành Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 8 tháng 4 năm 2015.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

(cập nhật ngày 10/11/2015)

Đại diện sở hữu phần vốn của Ngân hàng TMCP Quân đội: 33.988.828 cổ phần, chiếm 27,83% vốn điều lệ.



Bà NGUYỄN THANH BÌNH
Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Bình hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Bình tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Praha, Khoa Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Tài chính. Trước khi trở thành thành viên Ban Kiểm soát MB, bà Bình đã có 20 năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý Khối Tài chính Doanh nghiệp.



Bà NGUYỄN KIM CHUNG
Thành viên

Bà Nguyễn Kim Chung hiện là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Chung có bằng Thạc sỹ Kinh tế. Trước khi gia nhập MBS, bà đã từng làm Kế toán Công ty cổ phần Intimex Việt Nam. Tại MBS, bà Chung đã đảm nhiệm nhiều vị trí như Kế toán, Kiểm soát, Trưởng sản giao dịch Hoàng Quốc Việt, Trưởng phòng Nghiệp vụ 16.





Bà NGUYỄN THỊ DIỆP QUỲNH
Thành viên

Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Quỳnh có 7 năm kinh nghiệm tại Công ty Quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital) và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

-  **Bằng khen của UBND TP. Hà Nội**
về thành tích đạt được trong 15 năm thành lập
-  **Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
về thành tích đạt được trong 15 năm thành lập
-  **Bằng khen của Hiệp hội Chứng khoán Việt Nam**
về những đóng góp cho sự phát triển của Hiệp hội Chứng khoán Việt Nam trong 15 năm hoạt động
-  **Giải thưởng M&A**
Công ty Chứng khoán nỗ lực trong tư vấn M&A 2014 - 2015
-  **Công ty Chứng khoán tiêu biểu 2015**
do Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh bình chọn
-  **Công ty Chứng khoán tiêu biểu giai đoạn 2005 - 2015**
do Sở GD&ĐT Hà Nội bình chọn





Hiện tại, MBS tập trung phát triển hai mảng hoạt động chính là dịch vụ chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động nghiên cứu chuyên sâu và kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2015-2020: Top 5 dịch vụ chứng khoán, Top 10 dịch vụ ngân hàng đầu tư
- Giai đoạn 2020 trở đi: Top 3 dịch vụ chứng khoán, Top 5 dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Với phương châm hoạt động “tăng trưởng nhanh, chuyên biệt, hiệu quả”, MBS định hướng phát triển thành công ty cung cấp các dịch vụ chứng khoán tốt nhất cho khách hàng.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

| NỘI DUNG | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN |
|--|------------------|
| Tổng số lượng cổ phần MBS | 122,124,280 |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do | 24,907,403 |
| Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 97,216,877 |

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2015: không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2015: không có
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2015: không có



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

a. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

| CỔ ĐÔNG | SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|--|------------------|--------------------|---------------|
| Cổ đông có tỷ lệ sở hữu >5% | 1 | 97,110,937 | 79.52% |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | | 97,110,937 | 79.52% |
| Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5% | 850 | 25,013,343 | 20.48% |
| Tổng cộng | 851 | 122,124,280 | 100% |

b. Cơ cấu cổ đông theo loại hình

| CỔ ĐÔNG | SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|--------------------|------------------|--------------------|--------------|
| Tổ chức trong nước | 7 | 97,547,543 | 79.88% |
| Cá nhân trong nước | 843 | 24,552,106 | 20.10% |
| Tổ chức nước ngoài | - | - | 0% |
| Cá nhân nước ngoài | 1 | 24,631 | 0.02% |
| Cổ đông nhà nước | - | - | 0.00% |
| Cổ đông khác | - | - | 0.00% |
| Tổng cộng | 851 | 122,124,280 | 100% |

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2015

Năm 2015, đã khép lại với nhiều diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới và trong nước. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 3,1%, giảm 0,3 điểm % so với năm 2014. Áp lực từ động thái nâng lãi suất của FED, Trung Quốc giảm giá đồng nhân dân tệ, giá hàng hóa thế giới giảm sâu... cũng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Mặc dù vậy, năm 2015 kinh tế trong nước phục hồi tốt với mức tăng trưởng GDP đạt gần 6,7%, lạm phát xuống thấp 0,63%, tái cơ cấu kinh tế đạt những kết quả bước đầu, môi trường kinh doanh có sự cải thiện, hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh. Tuy nhiên, tình hình doanh nghiệp chưa hết khó khăn, dư địa cho hỗ trợ từ chính sách tiền tệ và tài khóa không còn nhiều. Lãi suất cũng bắt đầu chịu sức ép do cầu về tín dụng tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước.

Với những khó khăn và thuận lợi đan xen nói trên, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua một năm nhiều biến động. Chỉ số VN-Index đóng cửa cuối năm 2015 ở mức 579,03 điểm, tăng 6,1% so với giá trị đóng cửa năm 2014, chỉ số HNX đứng ở mức 79,96 điểm giảm 3,6% so với cuối năm 2014. Thị trường trải qua nhiều thời kỳ tăng giảm đan xen phản ánh những thuận lợi cũng như các yếu tố rủi ro trong năm. Năm 2015, tổng giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt mức 1,29 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 15,8% so với mức vốn hóa 1,12 triệu tỷ đồng của năm 2014. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường lại ghi nhận sự suy giảm, khối lượng giao dịch toàn thị trường chỉ đạt hơn 39,7 tỷ cổ phiếu, giảm 16,3% so với năm 2014. Về giá trị giao dịch, năm 2015 đạt xấp xỉ 617 nghìn tỷ đồng, giảm 15,8% so với năm 2014. Ngoài ra, tổng khối lượng cổ phiếu niêm yết năm 2015 đạt 42,4 tỷ cổ phiếu, tăng 27,7% so với khối lượng niêm yết năm 2014 khiến nguồn cung tăng mạnh.

- TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TOÀN CẦU: **3,1%**
- TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM: **6,7%**
- LẠM PHÁT: **0,63%**

- TỔNG GIÁ TRỊ VỐN HÓA TOÀN THỊ TRƯỜNG: **1,29 triệu tỷ đồng**
- KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH: **35,5 tỷ cổ phiếu**
- GIÁ TRỊ GIAO DỊCH: **524 nghìn tỷ đồng**

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015

Trong bối cảnh nêu trên, HĐQT, BKS, Ban Điều hành cùng toàn thể CBNV MBS đã tiếp tục nỗ lực, MBS đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

Khẳng định thương hiệu uy tín

Trong suốt quá trình tái cấu trúc vừa qua, MBS đã được các cơ quan chức năng, khách hàng nhìn nhận, đánh giá và tin tưởng vào những nỗ lực cũng như sự chuyển mình đầy tích cực. Năm 2015 MBS đã liên tục nhận được những đánh giá tốt từ phía khách hàng và cơ quan chức năng, MBS đã vinh dự được nhận bằng khen từ các cơ quan quản lý như UBND TP. Hà Nội, UBCKNN, Hiệp hội Chứng khoán Việt Nam.

MBS đã tăng trưởng trên diện rộng

Năm 2015, thị phần đạt trên 5%, tăng 3,3% so với năm 2014, nằm trong top 5 trên sàn HNX và top 6 sàn HSX, không phát sinh nợ xấu và công ty đã được Sở GDCK TP. HCM vinh danh trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất.

Hoạt động môi giới của khối khách hàng tổ chức đã được tập trung hơn và đạt kết quả bước đầu đáng khích lệ với thị phần khách hàng tổ chức tăng 21%. Tài khoản khách hàng đã lên tới trên 65.500 tài khoản.

Quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch

MBS với phương châm “ Tư vấn hiệu quả”, đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, luôn tôn trọng pháp luật và khách hàng từ đó Công ty đã có những tư vấn và sản phẩm phù hợp, an toàn chống thất thoát tài sản cho nhà đầu tư. Các hội thảo tư vấn cho Nhà đầu tư, các buổi tập huấn kiến thức cho khách hàng và việc ra đời Trung tâm chăm sóc khách hàng, buổi giao lưu với khách hàng VIP đã mang tới cho khách hàng nhiều trải nghiệm hữu ích.

Tiếp tục duy trì là Công ty chứng khoán nỗ lực trong tư vấn M&A

Trong năm MBS đã thực hiện ký mới được 65 hợp đồng, được nhiều đối tác tin cậy, lựa chọn hợp tác. Phát huy thế mạnh tập đoàn MB Group, MBS có nhiều nỗ lực làm việc với khối Khách hàng doanh nghiệp lớn, các công ty thành viên của MB và các chi nhánh của MB trên toàn hệ thống để triển khai hoạt động bán chéo và bước đầu đã có hiệu quả.

Chủ động quản trị rủi ro an toàn hiệu quả

MBS vẫn luôn tích cực xây dựng môi trường kinh doanh theo tiêu chí minh bạch, đáng tin cậy và phát triển bền vững. Hàng năm MBS đã ban hành chính sách và khẩu vị rủi ro để làm kim chỉ nam cho công tác quản trị điều hành. Trong năm 2015, mặc dù thị trường bị ảnh hưởng rất mạnh bởi các sự kiện liên quan tới Trung Quốc, tái cấu trúc ngành ngân hàng, nhưng MBS đã không phát sinh nợ xấu trong khi hoạt động dịch vụ tài chính tăng trưởng mạnh.

Tập trung phát triển nguồn lực

MBS đã thu hút mạnh mẽ nguồn lực cán bộ trung cao cấp và môi giới giỏi, bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách phía Nam, thường xuyên rà soát chất lượng nhân sự đảm bảo đội ngũ cán bộ nhân viên tốt cả về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm với công việc

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao, MBS vẫn luôn tích cực xây dựng môi trường kinh doanh theo tiêu chí minh bạch, đáng tin cậy và phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các việc kinh doanh hàng ngày của công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

Đáng chú ý, trong năm 2015, Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược dài hạn của MBS, đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại công ty.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016 được dự báo là một năm vẫn còn nhiều khó khăn thử thách, bên cạnh rủi ro biến động chính trị thế giới như việc Fed đã quyết định nâng lãi suất cũng như nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại và nhiều khả năng sẽ tiếp tục phá giá đồng nhân dân tệ sẽ tác động không nhỏ tới kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong nước, nền kinh tế vĩ mô được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng theo hướng tích cực, quy trình cổ phần hóa được thúc đẩy mạnh và việc thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn sẽ tạo cơ hội đầu tư mới. Các quy định mới hướng đến chuẩn quốc tế, tăng tỷ lệ sở hữu của khối ngoại, sản phẩm phái sinh... sẽ được ban hành là những điểm tích cực hỗ trợ thị trường chứng khoán phát triển.

Trên cơ sở đó, HĐQT quyết tâm duy trì mục tiêu top 5 công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam về thị phần môi giới, hoạt động an toàn hiệu quả và đạt lợi nhuận trước thuế là 40 tỷ đồng.

Để thực hiện được mục tiêu này, MBS kiên trì phát triển theo chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015 - 2020, hoàn thành mục tiêu năm 2016 của chiến lược; đặc biệt chú trọng công tác tư vấn, mở rộng nền tảng khách hàng, gia tăng thị phần, thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2016.

Năm 2016 sẽ là năm trọng tâm của Chiến lược phát triển 2015 - 2020, HĐQT xác định MBS sẽ thực hiện những bước tiến đột phá nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, việc nâng cao dịch vụ khách hàng, tinh chuyên nghiệp và tinh thần sẵn sàng của đội ngũ CBNV sẽ được chú trọng phát huy đảm bảo duy trì vị thế của MBS trong nhóm các công ty dẫn đầu trên thị trường hiện nay. HĐQT cũng tiếp tục kiên định định hướng tập trung nguồn lực để phát triển mạnh hơn nữa ở thị trường phía Nam, phát triển mạnh khách hàng tổ chức và hoạt động tư vấn đầu tư, tiếp tục rà soát hiệu quả hoạt động các điểm giao dịch trong mạng lưới MBS, thu hút đội ngũ CBNV giỏi trên mỗi địa bàn hoạt động để đảm bảo hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Trong bối cảnh hoạt động có sự cạnh tranh mạnh mẽ và nhiều rủi ro tiềm ẩn khó lường, MBS sẽ tiếp tục củng cố và nâng cao công tác quản trị Công ty, chú trọng nâng cao năng lực của các Ban trực thuộc HĐQT để thực hiện tham mưu tốt nhất cho HĐQT, chỉ đạo hoàn thiện các quy chế, chính sách phù hợp với quy định mới của cơ quan quản lý đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, bền vững, tuân thủ pháp luật. Với vị trí là một thành viên trong MB Group, MBS sẽ tập trung khai thác lợi thế tối đa từ MB về năng lực quản trị, mạng lưới khách hàng, thương hiệu lớn về hoạt động hiệu quả an toàn bền vững... để tăng trưởng nhanh hơn nữa, hoàn thành mục tiêu chiến lược của Công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH 2015

Tình hình tài chính trong nước và quốc tế

- Năm 2015 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng vì là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 - 2014, cho thấy nền kinh tế có xu hướng phục hồi rõ nét.
- Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014.
- Thị trường toàn cầu có nhiều bất ổn. Giá dầu thô giảm mạnh. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm.
- Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu.

Thị trường chứng khoán

- Về diễn biến chỉ số: Cho đến cuối năm 2015, chỉ số VN-Index đứng ở mức 579,03 điểm, tăng 6,1% và chỉ số HNX đứng ở mức 79,96 điểm giảm 3,6% so với cuối năm 2014.
- Vốn hóa thị trường kết thúc năm 2015 đạt hơn 1.298,53 nghìn tỷ đồng, tăng 15,8% so với thời điểm cuối năm 2014 tương đương 34% GDP. Trong đó, vốn hóa trên sàn HSX tăng 16,4% lên mức hơn 1.146,9 nghìn tỷ đồng, vốn hóa trên HNX cũng tăng 11,5% và đạt hơn 151,6 nghìn tỷ đồng. Tính cả trái phiếu quy mô của thị trường chứng khoán là 57% GDP.
- Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường trong năm 2015 đạt gần 39,7 tỷ cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch đạt hơn 617 nghìn tỷ đồng, giảm 16,3% về khối lượng và 15,8% về giá trị giao dịch so với năm 2014.
- Trên sàn HSX, tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 28 tỷ cổ phiếu (giảm 7,6% so với năm 2014), tương ứng giá trị giao dịch đạt trên 482 nghìn tỷ đồng (giảm 9,6% so với năm 2014). Trên sàn HNX, tổng khối lượng giao dịch trong năm 2015 đạt trên 11,55 tỷ cổ phiếu (giảm mạnh 32% so với năm 2014), tổng giá trị giao dịch cũng giảm 32,3% xuống mức hơn 135 nghìn tỷ đồng.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2015 | TH 2015 | %TH/KH |
|----------------------------------|----------------------|---------|---------|---------|--------|
| I Kết quả kinh doanh | | | | | |
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 506,1 | 391,38 | 77,33% |
| 2 | Chi phí | Tỷ đồng | 456,1 | 381,99 | 83,75% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 50,0 | 9,39 | 18,79% |
| II Các KPI trọng yếu khác | | | | | |
| 1 | Thị phần | % | 6,50 | 5,02 | 77,23% |
| 2 | Phí Môi giới | Tỷ đồng | 146,3 | 110,70 | 75,69% |
| 3 | Phí tư vấn cố định | Tỷ đồng | 13,0 | 6,50 | 50,00% |

Năm 2015, doanh thu của MBS đạt 391,38 tỷ đồng hoàn thành 77,33% kế hoạch năm. Chi phí đạt 381,99 tỷ đồng, hoàn thành 83,75%. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,39 tỷ đồng, hoàn thành 18,79% kế hoạch. Trong số đó, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế MBS hoàn thành kế hoạch ở mức độ thấp do:

- Giá trị giao dịch toàn thị trường giảm so với năm 2014.
- MBS chủ động trích lập dự phòng để đảm bảo an toàn trước những biến động thị trường và phù hợp với sự thay đổi theo quy định pháp luật.
- Một số hợp đồng tư vấn IB chưa thu được phí do phải điều chỉnh các điều kiện tư vấn theo yêu cầu của các bên.

(a) Hoạt động môi giới

- Kết thúc năm 2015, MBS đã trở lại vị trí thứ 5 trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị phần bình quân năm 2015 đạt 5,02%, hoàn thành 77,3% kế hoạch, tăng 3,3% so với năm 2014.
- Năm 2015, thị phần MBS đạt 5,02%, hoàn thành 77,3% kế hoạch, tăng 3,3% so với năm 2014 và xếp vị trí Top 6 trên sàn HSX.
- Kết thúc năm 2015, số lượng tài khoản mở mới năm 2015 là 6.396 tài khoản, hoàn thành 124.7% kế hoạch năm tăng 31% so với năm 2014.
- Dư nợ từ hoạt động ký quỹ của công ty tăng trưởng khá tốt trong năm 2015. Năm 2015 doanh thu từ hoạt động ký quỹ tăng đạt 109 tỷ, tăng gần 9% so với năm 2014, MBS đã định hướng rủi ro để tránh tăng trưởng nóng. Trong năm 2015, một số công ty chứng khoán khác trên thị trường cũng gia tăng doanh thu ký quỹ mạnh bằng việc cho vay Margin tăng trưởng trên 100%. Tuy nhiên trong điều kiện thị trường biến động như hiện tại, chính sách của MBS sử dụng là hợp lý để bảo toàn vốn.
- MBS cũng thực hiện nâng cấp và cải tiến sản phẩm giao dịch trực tuyến với nhiều tiện ích, ổn định hệ thống, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc giao dịch và quản lý tài khoản.

(b) Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB)

- Trong năm 2015, MBS ký mới được 65 hợp đồng với giá trị gần 7 tỷ đồng, phí cố định thu được 6,5 tỷ đồng.
- Đối với hoạt động thị trường trái phiếu, IB đã thu xếp phát hành trái phiếu thành công cho Công ty CP Austfeed Vietnam với giá trị 200 tỷ đồng; tư vấn và giới thiệu thành công phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Cổ phần Tasco với giá trị 100 tỷ đồng; tư vấn thành công đợt phát hành trái phiếu cho Công ty Cổ phần T&T với tổng giá trị phát hành 2.000 tỷ đồng, tư vấn và thu xếp phát hành trái phiếu chuyển đổi cho HUT với giá trị 100 tỷ đồng.

- Đối với hoạt động thị trường cổ phiếu, IB đã tiếp xúc và thực hiện thành công một số thương vụ cổ phần hóa với các doanh nghiệp lớn của Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông Vận tải như Tổng công ty Vật Liệu Xây dựng số 1 (FiCO), Công ty Đầu tư và Phát triển Trường An, Công ty Quản lý Đường sắt Hà Lạng... IB cũng đã thực hiện tư vấn và ký kết thành công hợp đồng bảo lãnh phát hành cổ phiếu cho CTCP Tập đoàn CEO với giá trị bảo lãnh 100 tỷ đồng, tư vấn phát hành riêng lẻ cho MB với tổng giá trị lên đến 4.500 tỷ đồng. Đây được coi là một thương vụ thoái vốn điển hình trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý 4 năm 2015, thương vụ này một lần nữa đã khẳng định sự tín nhiệm của khách hàng đối với dịch vụ tư vấn của MBS.
- Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư của MBS được kỳ vọng sẽ có những bước đột phá trong giai đoạn tới khi mà MBS đã bắt đầu đặt trọng tâm vào các dự án bán chéo sản phẩm với ngân hàng MB - một trong những ngân hàng hàng đầu của Việt Nam. Dự án bán chéo với MB sẽ giúp MBS có nhiều cơ hội tiếp cận với các khách hàng của MB, các doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng, Viettel từ đó gia tăng các hợp đồng tư vấn và đem lại các khoản doanh thu cho MBS.
- Trong năm 2015 MBS đã vinh dự nhận danh hiệu “Công ty Chứng khoán nỗ lực trong tư vấn M&A” trong số 36 thương vụ và 100 công ty được lựa chọn, đề cử.
- Bên cạnh đó, việc mở rộng các network Buyside và Sellside trong và ngoài nước được chú trọng quan tâm. Các thị trường Nhật Bản, Mỹ đã được xúc tiến và mở rộng quan hệ.

(c) Hoạt động đầu tư

- Thị trường chứng khoán năm 2015 trầm lắng, các mã chứng khoán có kết quả kinh doanh tốt chủ yếu dao động đi ngang nên ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động giao dịch của mảng đầu tư niêm yết tại MBS.
- Trong năm 2015 MBS cũng tiến hành rà soát toàn bộ hồ sơ pháp lý của danh mục cổ phiếu OTC và đánh giá lại tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp MBS sở hữu cổ phần và lựa chọn một số doanh nghiệp để tham gia sâu vào công tác quản trị và lập phương án thoái vốn cho một số mã cổ phiếu OTC.

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Công tác nhân sự và đào tạo

Với mục tiêu mang lại giải pháp tài chính tốt nhất phục vụ cho việc gia tăng lợi ích cho khách hàng, MBS đặc biệt chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực. Các nhân sự của MBS được tuyển chọn một cách kỹ lưỡng và đào tạo bài bản. Phần lớn các nhân sự của MBS đều có thâm niên làm việc nhiều năm trên thị trường chứng khoán. Các chuyên gia của MBS thường xuyên được mời tham gia phỏng vấn hoặc đưa ra các bình luận về các chủ đề nóng trên thị trường vốn và trên các báo, tạp chí tài chính chuyên ngành.

Tại thời điểm 31/12/2015, MBS có 379 nhân sự ký hợp đồng lao động tăng 84 người so với thời điểm 31/12/2014 (295 người). Thu nhập bình quân đạt mức 11.200.000 đồng/người/tháng. Nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động, MBS đã triển khai chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm và chương trình tái bảo hiểm tai nạn nhóm và bảo hiểm sức khỏe nhóm.

Công tác đào tạo trong năm 2015 cũng được MBS hết sức quan tâm, bên cạnh việc triển khai các khóa đào tạo sản phẩm mới, MBS đã tổ chức trên toàn hệ thống các khóa đào tạo về quản lý rủi ro do giảng viên trong nội bộ MBS trực tiếp giảng dạy. Khóa đào tạo trên được CNBV trong công ty đánh giá khá cao vì thông qua khóa đào tạo nhận thức về quản trị rủi ro của CBNV trong công ty được nâng cao.

Các khóa đào tạo MBS kết hợp với các tổ chức bên ngoài:

- Các khóa học về chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề chứng khoán
- Các khóa học đào tạo về chứng khoán phái sinh
- Các khóa đào tạo về kỹ năng bán hàng cho đội ngũ kinh doanh
- Các khóa đào tạo về nghiệp vụ nhân sự, kế toán, thiết kế, ...
- Các khóa học tập huấn do cơ quan chức năng tổ chức như: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cơ quan thuế, cơ quan BHXH, ...

Các khóa đào tạo do MBS tổ chức nội bộ:

- Đào tạo về pháp luật chứng khoán và các văn bản liên quan
- Đào tạo về kỹ năng và nghiệp vụ cho chuyên viên chăm sóc khách hàng
- Đào tạo về FATCA và Phòng chống rửa tiền
- Đào tạo về nhận thức Quản trị rủi ro
- Đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới

Hoạt động quản trị rủi ro và công tác thu hồi nợ xấu

Năm 2015 diễn biến của thị trường chứng khoán phức tạp, xuất hiện nhiều phiên thị trường giảm điểm liên tục do ảnh hưởng của giá dầu thế giới và diễn biến phức tạp của đồng USD. Tuy nhiên với mô hình quản trị rủi ro 3 tuyến phòng thủ kết hợp với việc thực thi đúng các nguyên tắc quản trị rủi ro đã đặt ra, MBS đã không để phát sinh nợ xấu.

Hoạt động nghiên cứu

Trung tâm Nghiên cứu của MBS đã hướng tới việc cung cấp cho nhà đầu tư chuỗi sản phẩm nghiên cứu đầy đủ. Những sản phẩm trên đã cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu căn bản của khách hàng. MBS tổ chức thành công 05 hội thảo MBS's Talk, 14 hội thảo MBS's Mini Talk, 09 chương trình trình bày cơ hội đầu tư với các quỹ đầu tư tổ chức trong đó có các quỹ lớn như: Vinacapital, Dragon capital, MB capital... Bên cạnh đó Trung tâm Nghiên cứu cũng thường xuyên cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá thương hiệu của MBS.

Hoạt động công nghệ thông tin

MBS đã triển khai nhiều dự án nâng cấp, cải tiến sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nâng cao năng suất lao động của nhân viên kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo các nguyên tắc quản trị, kiểm soát tự động sản phẩm trên hệ thống để hạn chế tối đa sai sót, rủi ro có thể phát sinh.

Ngày 29/09/2015 UBCK ra thông báo số 198/TB-UBCK về kế hoạch triển khai thực hiện chu kỳ thanh toán vào ngày T+2, thời gian áp dụng từ 01/01/2016. Để đáp ứng được kế hoạch này của UBCK, MBS đã nỗ lực không ngừng để điều chỉnh lại hệ thống giao dịch cho phù hợp, kết quả sau khi chu kỳ thanh toán T+2 được đưa vào áp dụng MBS đã kiểm soát thành công quá trình chuyển đổi, không để phát sinh lỗi giao dịch gây ảnh hưởng đến khách hàng.

Ngoài ra để đón đầu những sản phẩm mới: phái sinh, giao dịch trong ngày, MBS đã thành lập ban dự án chuyên trách nghiên cứu chuyên sâu và xây dựng giải pháp nâng cấp hệ thống CNTT theo hướng hiện đại, có khả năng đáp ứng tối đa mọi nhu cầu của khách hàng, tiến tới củng cố vị trí là công ty chứng khoán hoàn toàn tự chủ về công nghệ trên thị trường.

Hoạt động kiểm tra kiểm soát

MBS đã đón tiếp và làm việc với các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước như Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Cục thuế thành phố Hà Nội. Theo biên bản kiểm tra, nhìn chung MBS đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, không vi phạm các lỗi trọng yếu, không bị truy thu và nộp thêm tiền thuế.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, kiểm soát trong nội bộ MBS cũng được triển khai tương đối toàn diện. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã phối hợp với các đơn vị tổ chức kiểm tra được 13 đơn vị, hoàn thành 130% kế hoạch kiểm tra. Các đơn vị kinh doanh và các bộ phận trọng yếu đều tuân thủ đúng quy trình, quy chế, không vi phạm các lỗi trọng yếu gây thiệt hại về tài chính.

Ban hành quy chế, quy trình trong hoạt động

Công ty đã ban hành được hệ thống các quy trình, quy chế đáp ứng các quy định pháp luật liên quan, nổi bật là: sửa đổi Điều lệ công ty, ban hành Quy chế Quản trị công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, các quy trình, quy chế khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động khác

Văn hóa doanh nghiệp tại MBS hình thành một cách rõ nét thể hiện qua cách phối hợp, tác nghiệp giữa các đơn vị hỗ trợ với đơn vị kinh doanh với mục tiêu chia sẻ, gắn kết, đưa MBS ngày càng phát triển theo đúng chủ trương “Mọi đơn vị đều là đơn vị kinh doanh”. Các tổ chức quần chúng như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ đã có nhiều hoạt động gắn kết các thành viên trong công ty, giúp người lao động có niềm tin vào công ty.

Với giá trị cốt lõi “Trách nhiệm và chia sẻ cộng đồng”, MBS vẫn duy trì hoạt động xã hội từ thiện thông qua Quỹ từ thiện Trái tim MBS và đã thực hiện 03 chương trình từ thiện trong năm 2015.



Trao tặng phòng học bán trú cho học sinh trường THCS Tả Ngải Chồ, xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Đây là một trường học nội trú, phần lớn học sinh ở vùng sâu, vùng xa.



Chương trình xây phòng học bán trú đã được thực hiện từ cuối năm 2014 với sự chung tay của nhiều đơn vị như Ngân hàng TMCP Quân đội, Công ty CP Quản lý Quỹ (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản, MB Sở giao dịch, MB Lào Cai và MBS với sự hỗ trợ tại chỗ của Đoàn biên phòng Pha Long, Lào Cai. 04 phòng ở bán trú, 200 áo ấm, chăn ấm; 200 đôi ủng giữ ấm và nhiều đồ chơi, quần áo, sách, truyện... đã được gửi đến tận tay các em nhỏ của trường THCS Tả Ngải Chồ.

Chương trình “**Chung tay cùng Bản Sen vượt lũ**” được thực hiện tại xã Bản Sen, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Sau trận lũ lịch sử, người dân Bản Sen hầu như trắng tay, cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn do hầu hết đồ đạc đã bị cuốn trôi.



Ngay từ khi phát động, chương trình “Chung tay cùng Bản Sen vượt lũ” đã nhận được sự quan tâm của CBNV MBS trên toàn hệ thống. Quà tặng cho người dân Bản Sen gồm 26 chiếc bếp ga đôi, 30 bộ màn tuyn, 600 quyển vở, 320 bộ bút và mực cùng hàng chục thùng quần áo, sách giáo khoa.

Chương trình “**Đêm hội trăng rằm**” tại huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Đoàn thanh niên MBS tại Khu vực phía nam phối hợp cùng Đoàn trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức. Bù Đốp là vùng đất giáp với biên giới Campuchia, có lượng lớn người dân tộc S'tiêng sinh sống. Ở đây người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, trồng cây và chăn nuôi. Nhưng với thời tiết khắc nghiệt, hầu hết các gia đình còn nhiều khó khăn, các em nhỏ đã sớm cùng gia đình bươn chải hàng ngày bằng các công việc như cạo mủ, chần trâu... Việc đến trường là sự nỗ lực của các em ở đây khi phải đi bộ 6-10km dưới trời nắng gắt của trưa hè vùng biên hay đi trên những con đường lầy lội đất đỏ của mùa mưa cao nguyên. MBS đã phối hợp tặng quà, phát quần áo miễn phí, tổ chức nhiều trò vui chơi tập thể, mang lại tiếng cười cho các em nhỏ. Ngoài ra, 20 em nhỏ đạt thành tích tốt trong học tập có hoàn cảnh khó khăn đã được trao những phần thưởng động viên từ Ban tổ chức.



Bên cạnh hoạt động từ thiện, MBS cũng quan tâm tới hoạt động đào tạo, đặc biệt đối với các trường đại học khối kinh tế. Năm 2015, ngoài chương trình tuyển dụng thực tập sinh “Biển đam mê thành giá trị” dành cho các bạn sinh viên đại học thuộc khối kinh tế trên cả nước, MBS đã phối hợp với UBCKNN tài trợ độc quyền cho cuộc thi “Tìm kiếm tài năng chứng khoán” với sự tham gia của đông đảo sinh viên các trường: ĐH Hoa Sen, ĐH Tôn Đức Thắng, ĐH Tài chính - Marketing, ĐH Quốc tế Miền Đông và ĐH Kinh tế - Luật. Kết thúc cuộc thi, MBS đã cùng các đơn vị đã trao các suất học bổng cùng bản quyền phần mềm quản lý tài chính cho các trường tham gia. Thành công của cuộc thi chính là bước đệm cho các sinh viên vững tin bước vào thị trường tài chính và cũng là cơ hội để MBS chiêu mộ những tài năng trẻ trong lĩnh vực chứng khoán.

Những hoạt động thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn luôn được MBS chú trọng. Năm 2015 là năm thứ 3 MBS duy trì tổ chức chương trình Về nguồn, đưa các đoàn viên thanh niên đến dâng hương và tri ân các anh hùng liệt sỹ, thanh niên xung phong và dân quân tự vệ tại Nghĩa trang Đồng Lộc, Nghĩa trang Trường Sơn, Nghĩa trang Đường 9 và Thành cổ Quảng Trị. Đây là chương trình mang nhiều ý nghĩa, nhằm giáo dục tư tưởng cho các thế hệ thanh niên về tinh thần yêu nước và ý thức rèn luyện bản thân, tu dưỡng đạo đức và phát triển chuyên môn nghiệp vụ để xây dựng công ty phát triển góp phần xây dựng đất nước. MBS cũng dành sự quan tâm thăm hỏi và tặng quà cho thân nhân CBNV là thương binh, liệt sỹ nhân dịp kỷ niệm ngày thương binh, liệt sỹ 27/7.



Các hoạt động nội bộ được tổ chức đều đặn, hiệu quả và mang nhiều ý nghĩa cho cán bộ nhân viên như tham gia Hội thao – Hội diễn do Ngân hàng TMCP Quân đội tổ chức và tổ chức các giải bóng đá nội bộ; tổ chức các chương trình kỷ niệm ngày 8/3, 20/10; các chương trình dành cho thiếu nhi nhân dịp 1/6, trung thu. Bên cạnh đó, chương trình khám sức khỏe thường niên dành cho CBNV trên toàn hệ thống đã trở thành một hoạt động thiết thực, thể hiện sự quan tâm, chăm lo cho đời sống, sức khỏe, nâng cao đãi ngộ & phúc lợi dành cho CBNV của MBS.

Đặc biệt, năm 2015 MBS kỷ niệm 15 năm thành lập nên đã phát động nhiều chương trình thi đua kinh doanh, thi đua “Tuổi trẻ MBS sáng tạo”, thi đua 5S và được sự hưởng ứng của CBNV trên toàn hệ thống. Các cuộc thi đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của MBS, đưa ra nhiều ý tưởng sáng tạo nhằm cải tiến quy trình nghiệp vụ và dịch vụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí cũng như xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

NHỮNG ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC

Như vậy có thể nói MBS đã kết thúc năm 2015 đầy cố gắng, trong điều kiện thị trường chứng khoán biến động phức tạp, nằm ngoài dự đoán của các nhà đầu tư và các công ty chứng khoán. MBS đã thực hiện đúng các giải pháp lớn của Chiến lược 2015 - 2020; hoạt động quản trị điều hành chắc chắn, công ty có nhiều cơ hội để phát triển bền vững trong thời gian tới, tinh thần làm việc của CBNV nâng cao. Trong năm 2015 MBS có một số điểm đạt được như sau:

- Rõ ràng các hướng đi trong hoạt động kinh doanh, tạo dựng được nền tảng phát triển bền vững, sẵn sàng đón đầu các cơ hội của thị trường;
- Phát triển nhân sự, ổn định tổ chức; cán bộ công nhân viên yên tâm công tác;
- Kết quả hoạt động môi giới khởi sắc;
- Hoạt động quản trị rủi ro được thực thi triệt để, không phát sinh rủi ro mới;
- Phát hành trái phiếu thành công, giữ vững uy tín với cơ quan quản lý, khách hàng và các đối tác.



MỤC TIÊU VÀ CAM KẾT HÀNH ĐỘNG 2016

Dự báo tình hình kinh tế thế giới năm 2016

Nền kinh tế thế giới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại trong năm 2016, tăng trưởng GDP toàn cầu được IMF dự báo ở mức 3,4% nguyên nhân chủ yếu là do tăng trưởng kém và chậm chạp tại các quốc gia phát triển như Châu Âu và Nhật Bản. Các nền kinh tế mới nổi có sự phân hóa cao, với sự suy giảm của kinh tế Trung Quốc, Brazil và Nga. Nền kinh tế thế giới được dự báo còn tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng của kinh tế của Mỹ và Trung Quốc.

Dự báo nền kinh tế Việt Nam năm 2016

- Kinh tế Việt Nam trong 2016 đối mặt với nhiều thách thức và biến động hơn so với năm 2015.
- GDP dự kiến sẽ giữ mức 6,5% - 6,8% trong năm 2016.
- Lãi suất huy động có dấu hiệu chạm đáy từ năm 2015 và tăng nhẹ vào đầu năm 2016. Dự kiến mặt bằng lãi suất sẽ tăng khoảng 0,5% trong năm 2016, do nhu cầu tăng trưởng tín dụng và nhu cầu huy động trái phiếu đang ở mức cao.
- Lạm phát dự kiến sẽ tăng cao hơn trong năm 2016. Lạm phát dự kiến sẽ tăng trên 4% trong năm 2016.

Các yếu tố tác động đến thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2016

Tích cực

- Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định mặc dù tăng trưởng GDP có khả năng thấp hơn và lạm phát cao hơn;
- Hệ thống doanh nghiệp tiếp tục cải thiện hoạt động thông qua kết quả kinh doanh có tăng trưởng tích cực;
- Cơ quan quản lý ban hành nhiều chính sách phát triển thị trường;
- Kênh đầu tư chứng khoán vẫn là một trong những kênh đầu tư hấp dẫn trong nền kinh tế đang có xu hướng tăng trưởng trong trung và dài hạn;
- Kế hoạch thoái vốn của SCIC, các tổng công ty nhà nước, kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước sẽ tiếp tục được kỳ vọng giúp thị trường đón nhận nhiều sự quan tâm hơn của khối nhà đầu tư nước ngoài.

Rủi ro

- Tình hình thế giới phức tạp, khó lường. Rủi ro thị trường tài chính thế giới chuyển sang chu kỳ giảm và nhân tố Trung Quốc;
- Các cân đối vĩ mô nếu tiếp tục xấu đi sẽ đe dọa tăng trưởng bền vững và dòng vốn nước ngoài sẽ quan ngại;
- Tương quan cung cầu cổ phiếu có thể tiếp tục bất lợi, do hoạt động IPO và phát hành thêm;

Trên cơ sở dự báo kinh tế và thị trường chứng khoán nêu trên, đánh giá những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với Công ty, MBS xây dựng kế hoạch mục tiêu trong năm 2016, cụ thể như sau:

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2015 | KH2016 | KH2016 /TH2015 |
|------------|-------------------------------|----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| I | Tổng tài sản | Tỷ đồng | 3.136,13 | 3.078,10 | 98,15% |
| II | Kết quả kinh doanh | | | | |
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 391,38 | 484,35 | 123,75% |
| 2 | Chi phí | Tỷ đồng | 381,99 | 444,35 | 116,33% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 9,39 | 40 | 425,77% |
| III | Các KPI trọng yếu khác | | | | |
| 1 | Thị phần | % | 5,02 | 5,8 | 115,54% |
| 2 | Phí Môi giới | Tỷ đồng | 110,7 | 140,43 | 126,86% |
| 3 | Tài khoản mở mới | TK | 6.396 | 7.022 | 109,79% |
| 4 | Phí tư vấn | Tỷ đồng | 6,5 | 60 | 923,08% |

Với phương châm hành động năm 2016 “Tăng trưởng nhanh, chuyên biệt, hiệu quả”, MBS hướng đến hoàn thành các mục tiêu chiến lược, các định hướng hoạt động:

- Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng trưởng thị phần môi giới bền vững giữ vững vị thế Top 5 thị phần môi giới trên thị trường.
- Triển khai hiệu quả mô hình kinh doanh bán chéo trong tập đoàn.
- Quản trị rủi ro chặt chẽ, không để nợ xấu phát sinh và hoàn thiện hệ thống các Quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với các văn bản pháp luật mới ban hành.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống, phát triển giải pháp công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ chứng khoán, bảo mật, an toàn.
- Tìm đối tác chiến lược để tăng năng lực quản trị điều hành, tài chính, công nghệ, sản phẩm...
- Niêm yết cổ phiếu MBS trên sàn HNX, nâng cao uy tín, vị thế hoạt động của MBS.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

| Họ và tên | SL cổ phiếu MBS sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|--|------------------------|--------------|
| Bà Cao Thị Thúy Nga <i>Chủ tịch HĐQT</i> | 37,873 | 0.031 % |
| Ông Hoàng Minh Tuấn <i>Phó Chủ tịch HĐQT</i> | 0 | 0 % |
| Bà Đặng Thúy Dung <i>Thành viên HĐQT</i> | 27,500 | 0.02 % |
| Bà Đoàn Kim Dung <i>Thành viên HĐQT</i> | 8.400 | 0.01 % |
| Ông Trần Hải Hà <i>Thành viên HĐQT</i> | 0 | 0 % |

- Công tác Quản trị rủi ro: HĐQT đã chỉ đạo ban hành Chính sách, khẩu vị rủi ro và triển khai các nguyên tắc quản trị rủi ro 1 cách triệt để.
- Hoạt động công nghệ thông tin: HĐQT đã chỉ đạo Công ty tăng cường đầu tư công nghệ thông tin, đồng thời chỉ đạo công tác nghiên cứu chuyên sâu và xây dựng giải pháp nâng cấp hệ thống CNTT theo hướng hiện đại, có khả năng đáp ứng tối đa mọi nhu cầu của khách hàng.
- Công tác quản trị công ty: HĐQT định hướng và chỉ đạo Công ty trong việc rà soát các quy chế, quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản liên quan tới việc quản trị nội bộ.

CHỈ ĐẠO VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC TRONG NĂM CỦA HĐQT

Trong năm 2015, bên cạnh việc lãnh đạo Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2015, HĐQT còn định hướng và chỉ đạo Công ty triển khai toàn diện các mặt hoạt động khác để Công ty ổn định bộ máy tổ chức, giúp nâng cao năng lực và sức cạnh tranh, cụ thể như sau:

- Công tác nhân sự: HĐQT tiến hành bổ sung một số vị trí quản lý chủ chốt để tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Hoạt động môi giới: HĐQT đã chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động môi giới thông qua ban hành các chính sách phù hợp, thu hút nhân sự môi giới giỏi đồng thời đẩy mạnh mở rộng mạng lưới đặc biệt tại thị trường phía nam và tăng cường hoạt động môi giới của các đơn vị phía bắc.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| Họ và tên | SL cổ phiếu MBS sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|--|------------------------|--------------|
| Bà Nguyễn Thanh Bình <i>Trưởng Ban Kiểm soát</i> | 500 | 0.0004 % |
| Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh <i>Thành viên Ban Kiểm soát</i> | 0 | 0 % |
| Bà Nguyễn Kim Chung <i>Thành viên Ban Kiểm soát</i> | 4,450 | 0,004 % |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ sau:

- Thường xuyên giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Điều hành (BĐH) trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) và trong việc quản lý, điều hành công ty.
- Giám sát và kiến nghị việc tuân thủ các quy định của UBCK Nhà nước và các quy định của pháp luật. Hàng tháng lập và gửi HĐQT, BĐH báo cáo giám sát của BKS về việc tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư.
- Giám sát kết quả hoạt động kinh doanh, kịp thời kiến nghị HĐQT, BĐH đưa ra các chính sách, giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện chương trình thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Thường trực HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định nội bộ của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.

- Tổ chức 04 cuộc họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua các cuộc họp, BKS đã tổng hợp, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty; kết quả quản trị, điều hành công ty của HĐQT, BĐH để đưa ra các kiến nghị cần thiết.
- Tổ chức 01 đoàn kiểm tra độc lập của BKS và cử thành viên BKS tham gia vào Đoàn kiểm tra của công ty để thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thuộc công ty nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Đã sửa đổi, bổ sung quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS phù hợp với quy định của luật Doanh nghiệp 2014.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

(a) Đối với hoạt động quản trị

- Hoạt động của HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật, góp phần quyết định trong việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức họp định kỳ, bất thường, quyết nghị những vấn đề liên quan theo đúng thẩm quyền. Trong năm 2015, HĐQT, TTHĐQT đã ban hành 60 quyết định/ nghị quyết liên quan đến tất cả các hoạt động toàn công ty.
- Ban hành mới, sửa đổi hầu hết các quy chế quan trọng của công ty như: Quy chế hoạt động của HĐQT; quy chế Quản trị công ty; quy chế Tổ chức & hoạt động của các ban thuộc HĐQT; quy chế Tài chính; quy chế Đầu tư; quy chế Chi tiêu nội bộ; trích lập dự phòng... đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật.
- Kiện toàn hệ thống phân cấp ủy quyền từ HĐQT tới Ban Điều hành.
- Điều chỉnh chính sách dịch vụ kịp thời, cân đối nguồn lực đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, hạn chế rủi ro trước các thay đổi, quy định của nhà nước liên quan đến hoạt động của công ty chứng khoán.
- Bổ nhiệm nhiều vị trí, chức danh trong Công ty, thu hút được một số nhân sự giỏi và khuyến khích CBCNV có nhiều đóng góp, đồng thời ban hành chính sách liên quan đến chế độ lương thưởng, đãi ngộ cho nhân viên kinh doanh.

(b) Đối với hoạt động điều hành

Ban Điều hành đã cơ bản triển khai đúng chức năng, nhiệm vụ và các nghị quyết/thông báo của HĐQT, TT HĐQT, cụ thể:

- Triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015 - 2020 đến từng Khối, phòng ban trong công ty theo từng giai đoạn.
- Nỗ lực đa dạng hóa các nguồn vốn, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh.
- Tăng trưởng dư nợ dịch vụ tài chính khá cao và thị phần môi giới duy trì mức tăng ổn định, kịp thời đề xuất các chính sách sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Triển khai chính sách quản trị rủi ro chặt chẽ, không để phát sinh dư nợ xấu.
- Xử lý các tồn đọng khá tốt như: Thu hồi nợ xấu vượt kế hoạch 34%.
- Tổ chức tốt công tác kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty.
- Ổn định thu nhập và tâm lý của CBCNV.

(c) Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm soát – HĐQT – Ban điều hành

Trong năm 2015 cơ chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban điều hành đã được cụ thể hóa trong quy chế Quản trị công ty và được thực hiện khá tốt:

- HĐQT, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ.
- Hàng quý Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá hoạt động của công ty gửi HĐQT, Ban điều hành.
- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Thường trực HĐQT để kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp độc lập, khách quan.
- Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát được HĐQT, Ban điều hành ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thư ký Công ty: Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký Công ty theo đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 với mức cụ thể như sau:

Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: hưởng lương

Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, thư ký Công ty: thù lao

Theo đó:

- Thù lao HĐQT : 288.000.000 đồng/năm
 - Thù lao Ban Kiểm soát : 96.000.000 đồng/năm
 - Thù lao Thư ký Công ty : 24.000.000 đồng/năm
- Tổng cộng thù lao năm 2015 là : 408.000.000 đồng

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG – KINH DOANH CHỨNG KHOÁN số

116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | |
|---------------------|--------------|
| Bà Cao Thị Thúy Nga | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Minh Tuấn | Phó Chủ tịch |
| Ông Trần Hải Hà | Thành viên |
| Bà Đặng Thúy Dung | Thành viên |
| Bà Đoàn Kim Dung | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

| | |
|--------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thanh Bình | Trưởng Ban |
| Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Kim Chung | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Trần Hải Hà | Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Khắc Hậu | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2015) |
| Bà Phùng Thị Thanh Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Thành Nam | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015) |

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Tầng M, 3 và 7 tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội,
Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-130/3



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.851.856.724.349 | 2.702.681.445.763 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 846.406.506.989 | 989.814.534.602 |
| 1. Tiền | 111 | | 821.201.268.989 | 989.814.534.602 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 25.205.292.000 | |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 7 | 376.424.556.103 | 463.228.852.339 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 517.980.643.118 | 544.488.367.657 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | 129 | | (141.556.087.015) | (81.259.515.318) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.608.514.183.566 | 1.228.143.712.503 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | 8 | 1.799.162.032.607 | 1.401.721.755.608 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 8 | 1.337.919.400 | 1.531.632.620 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | 8 | 260.046.056.959 | 239.598.731.409 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 9 | (452.031.825.400) | (414.708.407.134) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 302.279.407 | 259.670.876 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 20.209.144.284 | 21.234.675.443 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 3.548.575.503 | 4.520.682.362 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 18 | 376.378.781 | 376.378.781 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 11 | 16.284.190.000 | 16.337.614.300 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 284.277.329.995 | 361.138.952.849 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 5.485.051.982 | 6.445.370.072 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 5.449.829.757 | 6.095.538.791 |
| Nguyên giá | 222 | | 53.063.051.881 | 50.708.579.844 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (47.613.222.124) | (44.613.041.053) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 35.222.225 | 349.831.281 |
| Nguyên giá | 228 | | 8.150.151.501 | 8.150.151.501 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (8.114.929.276) | (7.800.320.220) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 7 | 194.690.894.454 | 268.013.405.181 |
| 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn | 253 | | 199.897.907.399 | 278.395.416.849 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 254 | | 199.897.907.399 | 278.395.416.849 |
| 4. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (8.207.012.945) | (13.382.011.668) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 84.101.383.559 | 86.680.177.596 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 79.142.483.014 | 83.083.777.051 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 15 | 1.805.540.000 | 2.944.040.000 |
| 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | 16 | 2.956.433.957 | 456.433.957 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 196.926.588 | 195.926.588 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.136.134.054.344 | 3.063.820.398.612 |

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.827.450.305.234 | 1.759.029.172.153 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.460.940.029.963 | 1.758.544.886.710 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 17 | 300.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 3.518.864.930 | 2.511.868.335 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 1.537.002.000 | 1.682.002.000 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 18 | 4.493.348.535 | 5.047.380.348 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 1.376.798.030 | 1.783.695.364 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 19 | 22.293.974.120 | 24.952.328.396 |
| 8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | 20 | 1.106.816.548.629 | 917.136.727.822 |
| 9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | 503.945.191 | 194.627.660 |
| 10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 322 | | 1.702.322.154 | 727.941.688 |
| 11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 328 | 21 | 14.894.154.761 | 204.484.271.615 |
| 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 430 | | 3.803.071.613 | 24.043.482 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 366.510.275.271 | 484.285.443 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 695.733.943 | 484.285.443 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 22 | 365.814.541.328 | - |
| B VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.308.683.749.110 | 1.304.791.226.459 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.308.683.749.110 | 1.304.791.226.459 |
| 8. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 1.221.242.800.000 | 1.221.242.800.000 |
| 9. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 4.153.679.393 | 3.740.863.521 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 4.163.663.493 | 3.750.847.621 |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 79.123.606.224 | 76.056.715.317 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.136.134.054.344 | 3.063.820.398.612 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Mã số | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|-------|-------------------|-------------------|
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | 002 | 17.634.170.000 | 42.114.970.000 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | 57.000.000 | 57.000.000 |
| 6. Chứng khoán lưu ký | 006 | 10.529.215.910.00 | 8.295.436.900.00 |
| | | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| 6.1 Chứng khoán giao dịch | 007 | 9.863.135.760.000 | 7.426.842.410.00 |
| 6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 008 | 202.268.280.000 | 191.398.410.000 |
| 6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 009 | 9.557.789.150.000 | 7.109.777.920.00 |
| 6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 010 | 103.078.330.000 | 125.666.080.000 |
| 6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 012 | 197.672.400.000 | 178.174.650.000 |
| 6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 014 | 197.672.400.000 | 178.174.650.000 |
| 6.3 Chứng khoán cầm cố | 017 | 416.967.170.000 | 686.352.090.000 |
| 6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | | - | 13.063.050.000 |
| 6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 019 | 416.967.170.000 | 673.289.040.000 |
| 6.4 Chứng khoán tạm giữ | 022 | 576.500.000 | 1.178.110.000 |
| 6.7 Chứng khoán chờ giao dịch | 037 | 37.801.030.000 | 2.889.640.000 |
| 6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 039 | 36.201.030.000 | 2.889.640.000 |
| 6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 040 | 1.600.000.000 | - |
| 6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay | 042 | 13.063.050.000 | - |
| 9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán | 083 | 170.627.160.000 | 181.849.920.000 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH cho năm kết thúc

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Mã số | Thuyết minh | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu | 01 | 23 | 390.730.164.606 | 388.408.724.243 |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 110.750.712.490 | 120.456.316.305 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | 105.309.340.325 | 111.363.193.469 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | 6.495.318.180 | 28.480.264.772 |
| Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán | 01.6 | | 6.822.707.637 | 6.575.651.716 |
| Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản | 01.8 | | 3.369.270.539 | 3.541.381.503 |
| Doanh thu khác | 01.9 | | 157.982.815.435 | 117.991.916.478 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 390.730.164.606 | 388.408.724.243 |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | 24 | (288.579.543.632) | (208.915.331.644) |
| Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán (Trích lập)/hoàn nhập dự phòng chứng khoán | | | (233.457.970.658) | (278.645.435.591) |
| | | | (55.121.572.974) | 69.730.103.947 |
| 5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 102.150.620.974 | 179.493.392.599 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 25 | (93.403.437.758) | (104.080.236.661) |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.747.183.216 | 75.413.155.938 |
| 10. Lợi nhuận/(lỗ) khác | 40 | | 647.634.233 | (19.350.653) |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9.394.817.449 | 75.393.805.285 |
| 12. Chi phí thuế TNDN – hiện hành | 51 | 26 | - | - |
| 13. Chi phí thuế TNDN – hoãn lại | 52 | 26 | (1.138.500.000) | (2.663.892.000) |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 8.256.317.449 | 72.729.913.285 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 70 | 27 | 68 | 595 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (phương pháp gián tiếp)

| | Mã số | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 9.394.817.449 | 75.393.805.285 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 108.523.573.342 | 24.451.576.770 |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.720.544.340 | 3.558.350.614 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 103.948.185.726 | (19.392.609.863) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (85.262.933.254) | (21.867.422.499) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 86.117.776.530 | 62.153.258.518 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 117.918.390.791 | 99.845.382.055 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (392.683.551.027) | (270.955.627.156) |
| Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (21.962.915.941) | (250.466.407.997) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 4.913.400.896 | 2.104.498.137 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (70.097.522.306) | (70.682.981.725) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (361.912.197.587) | (490.155.136.686) |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (2.885.469.280) | (850.426.381) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 31.472.727 | 29.390.909 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (13.925.000.000) | (5.000.177.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 133.106.455.000 | 158.602.736.109 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 32.176.765.527 | 16.619.847.280 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 148.504.223.974 | 169.401.370.917 |

| | Mã số | 2015 VND | 2014 VND |
|--|-----------|--------------------------|------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 3. Tiền vay nhận được | 33 | 1.004.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (934.000.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 70.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (143.407.973.613) | 279.246.234.231 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 6) | 60 | 989.814.534.602 | 710.568.300.371 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 6) | 70 | 846.406.560.989 | 989.814.534.602 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

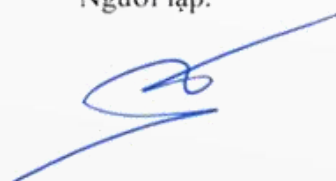
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 | 1.221.242.800.000 | 114.351.957 | 114.351.957 | 2.058.335.221 | 1.223.529.839.135 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 72.729.913.285 | 72.729.913.285 |
| Ghi nhận giảm khoản phải trả cổ đông do chênh lệch giá trị tài sản thuần phát sinh khi hợp nhất | - | - | - | 9.589.318.940 | 9.589.318.940 |
| Trích lập các quỹ | - | 3.636.495.664 | 3.636.495.664 | (7.272.991.328) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (343.055.870) | (343.055.870) |
| Sử dụng các quỹ | - | (9.984.100) | - | - | (9.984.100) |
| Ảnh hưởng của quyết toán thuế khi hợp nhất | - | - | - | (704.804.931) | (704.804.931) |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 1.221.242.800.000 | 3.740.863.521 | 3.750.847.621 | 76.056.715.317 | 1.304.791.226.459 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 8.256.317.449 | 8.256.317.449 |
| Trích lập các quỹ | - | 412.815.872 | 412.815.872 | (825.631.744) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | (4.363.794.798) | (4.363.794.798) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 1.221.242.800.000 | 4.153.679.393 | 4.163.663.493 | 79.123.606.224 | 1.308.683.749.110 |

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

(c) Cấu trúc công ty

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty có bốn (04) chi nhánh đặt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 379 nhân viên (31/12/2014: 295 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (“Thông tư 95”) và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 (“Thông tư 162”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(n)).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

(ii) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua.

(iii) Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro đối với danh mục chứng khoán đầu tư, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hình thành cổ phiếu và/hoặc các hợp đồng hợp tác kinh doanh chia sẻ lợi nhuận giữa Công ty và đối tác, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh là giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên hệ thống tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty sẽ căn cứ trên các nguồn thông tin đáng tin cậy (báo chí và thông tin thị trường) để xác định giá thị trường của tài sản tài chính.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) sửa đổi và bổ sung Thông tư 228 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Đối với các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hoặc chưa hình thành cổ phiếu, dự phòng cho các khoản đầu tư này được trích lập như các khoản phải thu (Thuyết minh 4(d)).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

| Thời gian quá hạn | Mức trích dự phòng |
|--|--------------------|
| Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng | 0% |
| Quá hạn từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Trên ba (03) năm | 100% |

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 6 năm
- Máy móc thiết bị 3 – 6 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(h) Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư 228.

(i) Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Các Quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

| | Tỷ lệ trích lập hàng năm | Số dư tối đa |
|--------------------------------|--------------------------|-----------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính | 5% lợi nhuận sau thuế | 10% vốn điều lệ |

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác được Công ty thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(l) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(vii) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

(m) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu, khi phù hợp được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư 162 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không/không phát sinh.

(q) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN

| | 2015 | | 2014 | |
|--------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------|--|
| | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện | Khối lượng giao dịch thực hiện | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện |
| | Đơn vị | VND | Đơn vị | VND |
| a) Của Công ty | 25.988.537 | 958.308.999.000 | 41.974.985 | 2.122.631.072.500 |
| <i>Cổ phiếu</i> | 21.388.537 | 478.630.999.000 | 28.974.985 | 574.502.072.500 |
| <i>Trái phiếu</i> | 4.600.000 | 479.678.000.000 | 13.000.000 | 1.548.129.000.000 |
| b) Của nhà đầu tư | 4.235.078.092 | 63.121.425.468.300 | 5.042.542.119 | 69.716.122.856.780 |
| <i>Cổ phiếu</i> | 4.233.730.832 | 62.971.705.355.300 | 5.038.228.749 | 69.388.195.271.780 |
| <i>Trái phiếu</i> | 1.340.000 | 149.650.030.000 | 2.900.000 | 314.285.400.000 |
| <i>Chứng khoán khác</i> | 7.260 | 70.083.000 | 1.413.370 | 13.642.185.000 |
| | 4.261.066.629 | 64.079.734.467.300 | 5.084.517.104 | 71.838.753.929.280 |

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 22.726.899 | 272.974.446 |
| Tiền gửi ngân hàng | 818.511.887.037 | 988.726.396.075 |
| <i>Tiền gửi của Công ty</i> | 231.759.610.269 | 439.808.241.975 |
| <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (i) (Thuyết minh 20)</i> | 586.752.276.768 | 548.918.154.100 |
| Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành | 2.666.655.053 | 815.164.081 |
| Các khoản tương đương tiền | 25.205.292.000 | - |
| | 846.406.560.989 | 989.814.534.602 |

(i) Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

7. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán | So với giá thị trường | | Tổng giá trị theo giá thị trường |
|---|-------------------|----------------------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------------------|
| | | | Tăng | Giảm | |
| | Đơn vị | VND | VND | VND | VND |
| Chứng khoán thương mại | 18.842.152 | 424.391.854.013 | 11.079.548.797 | (140.824.087.015) | 294.647.315.795 |
| Cổ phiếu | 18.842.147 | 424.391.734.072 | 11.079.548.797 | (140.824.074.574) | 294.647.208.295 |
| <i>Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i)</i> | 15.470.047 | 371.005.928.520 | - | (140.824.074.574) | 230.181.853.946 |
| Chứng chỉ quỹ | 5 | 119.941 | - | (12.441) | 107.500 |
| <i>Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)</i> | 5 | 119.941 | - | (12.441) | 107.500 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 488.000 | 93.588.789.105 | - | (732.000.000) | 92.856.789.105 |
| Tiền gửi có kỳ hạn (ii) | - | 78.216.789.105 | - | - | 78.216.789.105 |
| Đầu tư ngắn hạn khác (iii) | 488.000 | 15.372.000.000 | - | (732.000.000) | 14.640.000.000 |
| | 19.330.152 | 517.980.643.118 | 11.079.548.797 | (141.556.087.015) | 387.504.104.900 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán | So với giá thị trường | | Tổng giá trị theo giá thị trường |
|---|-------------------|----------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| | | | Tăng | Giảm | |
| | Đơn vị | VND | VND | VND | VND |
| Chứng khoán thương mại | 19.370.869 | 440.786.869.882 | 25.900.478.648 | (81.259.515.318) | 385.427.833.212 |
| Cổ phiếu | 19.370.864 | 440.786.749.941 | 25.900.478.648 | (81.259.502.879) | 385.427.725.710 |
| <i>Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro</i> | 15.288.933 | 357.086.828.776 | - | (81.259.502.879) | 275.827.325.897 |
| Chứng chỉ quỹ | 5 | 119.941 | - | (12.439) | 107.502 |
| <i>Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro</i> | 5 | 119.941 | - | (12.439) | 107.502 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 488.000 | 103.701.497.775 | 2.586.400.000 | - | 106.287.897.775 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | - | 88.329.497.775 | - | - | 88.329.497.775 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 488.000 | 15.372.000.000 | 2.586.400.000 | - | 17.958.400.000 |
| | 19.858.869 | 544.488.367.657 | 28.486.878.648 | (81.259.515.318) | 491.715.730.987 |

(i) Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

| STT | Cổ phiếu | Số lượng Đơn vị | Giá trị theo sổ kế toán VND | Giảm so với giá thị trường VND | Tổng giá trị theo giá thị trường VND |
|-------------------------------|-------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|
| Chứng khoán thương mại | | | | | |
| <i>Chứng khoán niêm yết</i> | | | | | |
| 1 | CSM | 393.570 | 16.099.809.944 | (6.378.630.944) | 9.721.179.000 |
| 2 | FCN | 724.239 | 17.555.179.324 | (2.780.703.724) | 14.774.475.600 |
| 3 | GAS | 370.000 | 28.613.660.000 | (15.219.660.000) | 13.394.000.000 |
| 4 | HAG | 1.690.224 | 40.455.737.600 | (22.877.408.000) | 17.578.329.600 |
| 5 | HPG | 616.002 | 21.377.783.638 | (3.390.525.238) | 17.987.258.400 |
| 6 | MCG | 3.280.495 | 48.807.909.337 | (35.357.879.837) | 13.450.029.500 |
| 7 | NTL | 704.210 | 15.233.892.826 | (6.431.267.826) | 8.802.625.000 |
| 8 | PPC | 599.798 | 15.581.364.285 | (4.605.060.885) | 10.976.303.400 |
| 9 | PVD | 667.330 | 34.159.776.147 | (16.475.531.147) | 17.684.245.000 |
| 10 | REE | 955.729 | 27.382.059.743 | (3.297.688.943) | 24.084.370.800 |
| 11 | SFG | 1.306.310 | 19.725.261.362 | (1.306.290.362) | 18.418.971.000 |
| 12 | SJS | 518.150 | 15.355.635.433 | (3.179.110.433) | 12.176.525.000 |
| 13 | PVB | 243.000 | 10.433.638.540 | (3.629.638.540) | 6.804.000.000 |
| 14 | PVS | 502.971 | 15.733.979.476 | (7.334.363.776) | 8.399.615.700 |
| 15 | Cổ phiếu khác (*) | 2.898.019 | 44.490.240.865 | (8.560.314.919) | 35.929.925.946 |
| | | 15.470.047 | 371.005.928.520 | (140.824.074.574) | 230.181.853.946 |
| | Chứng chỉ quỹ VF1 | 5 | 119.941 | (12.441) | 107.500 |

(*) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 10.000.000.000 VND.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,3%/năm.

(iii) Đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các cổ phiếu được hình thành từ các hợp đồng giữa Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro từ danh mục đầu tư. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba (03) hợp đồng Hợp tác Kinh doanh với các nhà đầu tư cá nhân để đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Cổ phần Y Tế Danameco (DNM).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán VND | So với giá thị trường | | Tổng giá trị theo giá thị trường VND |
|---|-------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|--|
| | Đơn vị | | Tăng VND | Giảm VND | |
| 1. Chứng khoán đầu tư | 13.107.148 | 199.897.907.399 | 4.638.156.728 | (8.207.012.945) | 196.329.051.182 |
| <i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i> | 13.107.148 | 199.897.907.399 | 4.638.156.728 | (8.207.012.945) | 196.329.051.182 |
| Cổ phiếu (*) | 9.502.020 | 163.472.907.399 | - | (8.207.012.945) | 155.265.894.454 |
| - Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i) | 2.037.015 | 29.642.177.000 | - | (8.207.012.945) | 21.435.164.055 |
| Chứng chỉ quỹ | 3.605.128 | 36.425.000.000 | 4.638.156.728 | - | 41.063.156.728 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 300.000 | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác (ii) | 300.000 | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| | 13.407.148 | 202.897.907.399 | 4.638.156.728 | (8.207.012.945) | 199.329.051.182 |

(*) Bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá với giá trị sổ sách theo kế toán là 133.830.907.399 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 207.651.109.899 VND). Các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

| Chỉ tiêu | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán VND | So với giá thị trường | | Tổng giá trị theo giá thị trường VND |
|---|-------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------|--|
| | Đơn vị | | Tăng VND | Giảm VND | |
| 1. Chứng khoán đầu tư | 17.685.007 | 278.395.416.849 | 4.268.800.000 | (13.382.011.668) | 269.282.205.181 |
| <i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i> | 17.685.007 | 278.395.416.849 | 4.268.800.000 | (13.382.011.668) | 269.282.205.181 |
| Cổ phiếu | 14.785.007 | 249.395.416.849 | - | (13.382.011.668) | 236.013.405.181 |
| - Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro | 2.735.415 | 41.744.306.950 | - | (13.382.011.668) | 28.362.295.282 |
| Chứng chỉ quỹ | 2.900.000 | 29.000.000.000 | 4.268.800.000 | - | 33.268.800.000 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | - | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| | 17.685.007 | 281.395.416.849 | 4.268.800.000 | (13.382.011.668) | 272.282.205.181 |

(i) Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

| STT | Cổ phiếu | Số lượng Đơn vị | Giá trị theo sổ kế toán VND | Giảm so với giá thị trường VND | Tổng giá trị theo giá thị trường VND |
|------------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---|
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | | | | | |
| <i>Chứng khoán chưa niêm yết</i> | | | | | |
| 1 | CTCP Công nghiệp Cao su COECCO | 492.000 | 7.380.000.000 | (2.460.000.000) | 4.920.000.000 |
| 2 | CTCP Nha khoa DETEC | 180.000 | 2.880.000.000 | (1.080.000.000) | 1.800.000.000 |
| 3 | CTCP ICD Tân Cảng Long Bình | 300.000 | 6.000.000.000 | (3.000.000.000) | 3.000.000.000 |
| 4 | CTCP May Nam Định | 65.000 | 1.742.000.000 | (1.027.000.000) | 715.000.000 |
| 5 | CTCP Tài chính Dầu Khí PVF | 15 | 177.000 | (12.945) | 164.055 |
| 6 | CTCP Đầu tư Tài chính Thăng Long | 1.000.000 | 11.640.000.000 | (640.000.000) | 11.000.000.000 |
| | | 2.037.015 | 29.642.177.000 | (8.207.012.945) | 21.435.164.055 |

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Đầu tư dài hạn của Công ty | | |
| Ủy thác cho Ngân hàng TMCP Quân đội để đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đất Việt | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |

(c) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 81.259.515.318 | 125.877.402.933 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 24) | 60.296.571.697 | (80.607.603.947) |
| Phân loại lại | - | 35.989.716.332 |
| Số dư cuối năm | 141.556.087.015 | 81.259.515.318 |

(d) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|-----------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 13.382.011.668 | 38.494.228.000 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 24) | (5.174.998.723) | 10.877.500.000 |
| Phân loại lại | - | (35.989.716.332) |
| Số dư cuối năm | 8.207.012.945 | 13.382.011.668 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu của khách hàng | 1.799.162.032.607 | 1.401.721.755.608 |
| <i>Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (i)</i> | 1.302.604.814.132 | 887.213.929.847 |
| <i>Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (ii)</i> | 361.765.122.990 | 365.479.180.565 |
| <i>Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (iii)</i> | 46.143.204.449 | 83.888.823.105 |
| <i>Phải thu các khoản ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư (iv)</i> | 44.658.280.827 | 20.037.734.448 |
| <i>Phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp</i> | 1.633.650.000 | 2.334.650.000 |
| <i>Phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ khác</i> | 42.356.960.209 | 42.767.437.643 |
| Trả trước cho người bán | 1.337.919.400 | 1.531.632.620 |
| Các khoản phải thu khác | 260.046.056.959 | 239.598.731.409 |
| <i>Lãi dự thu</i> | 185.655.399.249 | 191.100.442.805 |
| <i>Phải thu khác</i> | 74.390.657.710 | 48.498.288.604 |
| | 2.060.546.008.966 | 1.642.852.119.637 |

(i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, các hợp đồng hỗ trợ tài chính mua bán chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 02 ngày đến 06 tháng và có mức thu nhập từ 13%/năm đến 20,5%/năm. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.

(ii) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức và cá nhân mà theo đó Công ty thu lợi tức bình quân từ 13%/năm đến 20,02%/năm.

(iii) Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 02 tháng đến 17 tháng và có mức thu nhập 2,1%/tháng. Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.

(iv) Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán tại ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên các Trung tâm Giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là 0,04%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Dự phòng phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư | 184.101.359.599 | 132.252.027.956 |
| Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán | 13.372.271.300 | 11.162.817.750 |
| Dự phòng phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán | 46.143.204.449 | 82.050.356.161 |
| Dự phòng phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ khác | 33.440.438.800 | 30.979.413.800 |
| Dự phòng lãi phải thu | 163.753.337.408 | 146.230.422.623 |
| Dự phòng phải thu khác | 11.221.213.844 | 12.033.368.844 |
| | 452.031.825.400 | 414.708.407.134 |

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 414.708.407.134 | 398.529.564.958 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (11.503.194.486) | (34.158.651.908) |
| Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 25) | 48.826.612.752 | 50.337.494.084 |
| Số dư cuối năm | 452.031.825.400 | 414.708.407.134 |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước tiền thuê nhà | 134.233.455 | 121.588.956 |
| Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 2.318.875.329 | 1.215.929.825 |
| Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ | 961.814.727 | 3.051.143.332 |
| Chi phí trả trước khác | 133.651.992 | 132.020.249 |
| | 3.548.575.503 | 4.520.682.362 |

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Đặt cọc thực hiện hợp đồng mua bất động sản | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Tạm ứng nhân viên | 1.231.190.000 | 1.284.614.300 |
| Đặt cọc tự doanh chứng khoán | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Đặt cọc khác | 3.000.000 | 3.000.000 |
| | 16.284.190.000 | 16.337.614.300 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Năm kết thúc 31/12/2015 | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.309.659.400 | 40.894.805.776 | 5.126.765.017 | 3.377.349.651 | 50.708.579.844 |
| Mua trong năm | - | 2.885.469.280 | - | - | 2.885.469.280 |
| Phân loại lại | - | (78.200.000) | - | (417.476.243) | (495.676.243) |
| Thanh lý trong năm | - | (35.321.000) | - | - | (35.321.000) |
| Số dư cuối năm | 1.309.659.400 | 43.666.754.056 | 5.126.765.017 | 2.959.873.408 | 53.063.051.881 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 801.124.578 | 37.783.436.007 | 3.003.229.108 | 3.025.251.360 | 44.613.041.053 |
| Khấu hao trong năm | 261.931.884 | 2.291.308.750 | 707.206.209 | 145.488.441 | 3.405.935.284 |
| Phân loại lại | - | (78.200.000) | - | (292.233.213) | (370.433.213) |
| Thanh lý trong năm | - | (35.321.000) | - | - | (35.321.000) |
| Số dư cuối năm | 1.063.056.462 | 39.961.223.757 | 3.710.435.317 | 2.878.506.588 | 47.613.222.124 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 508.534.822 | 3.111.369.769 | 2.123.535.909 | 352.098.291 | 6.095.538.791 |
| Số dư cuối năm | 246.602.938 | 3.705.530.299 | 1.416.329.700 | 81.366.820 | 5.449.829.757 |

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 39.071.252.582 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 36.609.684.186 VND).

| Năm kết thúc 31/12/2014 | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.309.659.400 | 40.501.991.269 | 5.126.765.017 | 3.374.901.651 | 50.313.317.337 |
| Mua trong năm | - | 816.051.381 | - | 34.375.000 | 850.426.381 |
| Thanh lý trong năm | - | (423.236.874) | - | (31.927.000) | (455.163.874) |
| Số dư cuối năm | 1.309.659.400 | 40.894.805.776 | 5.126.765.017 | 3.377.349.651 | 50.708.579.844 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 539.192.694 | 36.470.216.212 | 2.376.428.946 | 2.615.855.460 | 42.001.693.312 |
| Khấu hao trong năm | 261.931.884 | 1.736.456.669 | 626.800.162 | 441.322.900 | 3.066.511.615 |
| Thanh lý trong năm | - | (423.236.874) | - | (31.927.000) | (455.163.874) |
| Số dư cuối năm | 801.124.578 | 37.783.436.007 | 3.003.229.108 | 3.025.251.360 | 44.613.041.053 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 770.466.706 | 4.031.775.057 | 2.750.336.071 | 759.046.191 | 8.311.624.025 |
| Số dư cuối năm | 508.534.822 | 3.111.369.769 | 2.123.535.909 | 352.098.291 | 6.095.538.791 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Phần mềm máy vi tính | 2015 VND | 2014 VND |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 8.150.151.501 | 8.150.151.501 |
| Hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | 7.800.320.220 | 7.308.481.221 |
| Khấu hao trong năm | 314.609.056 | 491.838.999 |
| Số dư cuối năm | 8.114.929.276 | 7.800.320.220 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số dư đầu năm | 349.831.281 | 841.670.280 |
| Số dư cuối năm | 35.222.225 | 349.831.281 |

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản cố nguyên giá 7.991.651.501 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 6.482.741.501 VND).

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn | 2015 VND | 2014 VND |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 83.083.777.051 | 87.998.583.467 |
| Phân bổ trong năm | (3.941.294.037) | (4.914.806.416) |
| Số dư cuối năm | 79.142.483.014 | 83.083.777.051 |

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 1.805.540.000 | 2.944.040.000 |

16. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

| | 2015 VND | 2014 VND |
|------------------|---------------|-------------|
| Số dư đầu năm | 456.433.957 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | 2.500.000.000 | 336.433.957 |
| Số dư cuối năm | 2.956.433.957 | 456.433.957 |

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Vay ngân hàng (i) | 300.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| | 300.000.000.000 | 600.000.000.000 |

(i) Các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,25%/năm (tại 31/12/2014: từ 4 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 6,25%/năm đến 11%/năm).

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 376.378.781 | 376.378.781 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.042.925.535 | 1.348.571.443 |
| Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV | 660.348.618 | 706.598.984 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư | 2.747.330.412 | 2.851.345.154 |
| Các loại thuế khác | 42.743.970 | 140.864.767 |
| | <u>4.493.348.535</u> | <u>5.047.380.348</u> |

Chi tiết tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

| | Số dư tại ngày 1/1/2015 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | Số dư tại ngày 31/12/2015 VND |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 376.378.781 | - | - | 376.378.781 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.348.571.443 | 4.746.243.783 | (5.051.889.691) | 1.042.925.535 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.557.944.138 | 37.173.649.985 | (37.323.915.093) | 3.407.679.030 |
| - Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên | 706.598.984 | 7.225.057.860 | (7.271.308.226) | 660.348.618 |
| - Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư | 2.851.345.154 | 29.948.592.125 | (30.052.606.867) | 2.747.330.412 |
| Các loại thuế khác | 140.864.767 | 654.088.668 | (752.209.465) | 42.743.970 |
| | <u>5.047.380.348</u> | <u>42.573.982.436</u> | <u>(43.128.014.249)</u> | <u>4.493.348.535</u> |

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi dự chi cho các khoản vay và nợ | 18.223.985.102 | 2.203.730.878 |
| Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận | 4.069.989.018 | 22.748.597.518 |
| | <u>22.293.974.120</u> | <u>24.952.328.396</u> |

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|---|--------------------------|------------------------|
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán | 1.979.429.352 | 1.825.416.499 |
| Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 6) | 586.752.276.768 | 548.918.154.100 |
| Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 491.013.066 | 435.015.298 |
| Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (i) | 517.593.829.443 | 365.958.141.925 |
| | <u>1.106.816.548.629</u> | <u>917.136.727.822</u> |

(i) Các khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán có kỳ hạn từ 1 tuần đến 12 tháng và lãi suất từ 0,21%/tháng đến 0,75%/tháng (31/12/2014: từ 1 đến 6 tháng và 0,18%/tháng đến 0,72%/tháng).

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 VND | 31/12/2014 VND |
|--|-----------------------|------------------------|
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 1.084.031.124 | 483.522.399 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 13.810.123.637 | 204.000.749.216 |
| | <u>14.894.154.761</u> | <u>204.484.271.615</u> |

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản trái phiếu do Công ty phát hành với kỳ hạn 3 năm, lãi suất 8,2%/năm, lãi trả hàng năm (31/12/2014: không có).

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|------------------------|------------|
| | VND | VND |
| Mệnh giá trái phiếu dài hạn | 370.000.000.000 | - |
| Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ | (4.185.458.672) | - |
| | <u>365.814.541.328</u> | <u>-</u> |

| | 2015 | 2014 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 110.750.712.490 | 120.456.316.305 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 105.309.340.325 | 111.363.193.469 |
| <i>Cổ tức</i> | 23.805.869.474 | 20.258.576.324 |
| <i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i> | 81.503.470.851 | 91.104.617.145 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 6.495.318.180 | 28.480.264.772 |
| Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán | 6.822.707.637 | 6.575.651.716 |
| Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản | 3.369.270.539 | 3.541.381.503 |
| Doanh thu khác | 157.982.815.435 | 117.991.916.478 |
| <i>Thu lãi tiền gửi</i> | 8.962.267.829 | 10.772.297.000 |
| <i>Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán</i> | 4.408.169.202 | 4.928.080.591 |
| <i>Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng</i> | 104.139.032.701 | 50.538.385.465 |
| <i>Doanh thu khác</i> | 40.473.345.703 | 51.753.153.422 |
| | <u>390.730.164.606</u> | <u>388.408.724.243</u> |

23. DOANH THU

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | 2015 | 2014 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí môi giới | 19.820.572.858 | 21.834.248.558 |
| Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 11.796.836.670 | 79.038.895.008 |
| Chi phí hoạt động tư vấn | 862.053.321 | 5.975.615.139 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 7) | 60.296.571.697 | (80.607.603.947) |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 7) | (5.174.998.723) | 10.877.500.000 |
| Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán | 86.117.776.530 | 62.153.258.518 |
| <i>Lãi trái phiếu</i> | 18.134.452.053 | - |
| <i>Lãi tiền nhận của nhà đầu tư liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán</i> | 53.582.483.932 | 53.594.377.799 |
| <i>Lãi tiền vay</i> | 14.196.952.053 | 2.298.611.112 |
| <i>Lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư</i> | 203.888.492 | 6.260.269.607 |
| Chi phí lưu ký chứng khoán | 5.698.972.239 | 5.484.282.634 |
| Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán | 109.161.759.040 | 104.159.135.734 |
| <i>Chi phí nhân viên</i> | 53.514.059.160 | 61.563.024.808 |
| <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i> | 507.785.972 | 787.564.328 |
| <i>Chi phí phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ</i> | 2.230.478.028 | 1.321.678.434 |
| <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i> | 20.244.707.907 | 16.026.156.427 |
| <i>Chi phí khác</i> | 32.664.727.973 | 24.460.711.737 |
| | <u>288.579.543.632</u> | <u>208.915.331.644</u> |

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2015 | 2014 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 24.597.393.236 | 30.643.844.737 |
| Chi phí vật liệu, công cụ lao động | 900.798.669 | 1.185.900.026 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.212.758.368 | 2.770.786.286 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.821.189.566 | 11.145.764.897 |
| Thuế, phí và lệ phí | 53.816.000 | 53.129.000 |
| Trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 9) | 48.826.612.752 | 50.337.494.084 |
| Chi phí khác | 6.990.869.167 | 7.943.317.631 |
| | <u>93.403.437.758</u> | <u>104.080.236.661</u> |

26. THUẾ THU NHẬP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | 2015 VND | 2014 VND | Giai đoạn phát sinh | Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ VND | Điều chỉnh trong kỳ VND | Lỗ đã chuyển (điều chỉnh lại) VND | Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ VND |
|---|-------------------------|------------------------|-------------------------------|---|-------------------------------|---|---|
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 9.394.817.449 | 75.393.805.285 | Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011 | 620.601.692.606 | (61.322.300) | (77.050.911.511) | 543.489.458.795 |
| <i>Trừ</i> | | | | | | | |
| - Thu nhập cổ tức không chịu thuế | (23.805.869.474) | (20.258.576.324) | Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012 | 10.690.533.774 | (8.046.915) | - | 10.682.486.859 |
| - Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời (i) | (5.175.000.000) | (12.108.600.000) | Từ 1/1/2013 đến 06/12/2013 | 59.222.770.516 | - | - | 59.222.770.516 |
| <i>Cộng</i> | | | | | | | |
| - Chi phí không được khấu trừ thuế | 425.844.142 | 1.386.217.114 | Từ 1/1/2015 đến 31/12/2015 | 19.160.207.883 | - | - | 19.160.207.883 |
| (Lỗ)/lãi tính thuế thu nhập doanh nghiệp | (19.160.207.883) | 44.412.846.075 | | | | | |
| Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận | 19.160.207.883 | - | | | | | |
| Chuyển lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ kỳ trước | - | (44.412.846.075) | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành | - | - | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại | (1.138.500.000) | (2.663.892.000) | | | | | |
| | | | | 709.675.204.779 | (69.369.215) | (77.050.911.511) | 632.554.924.053 |

Số lỗ tính thuế phát sinh năm 2011, 2012 và 2013 tương ứng là: 620.601.692.606 VND, 10.690.533.774 VND và 59.222.770.516 VND đã được Cục thuế Hà Nội xác nhận theo Biên bản thanh tra thuế ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty đã quyết toán thuế tại các Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất). Theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 26 tháng 8 năm 2014, số chi phí không hợp lệ đã bị loại ra trong các năm 2011 và 2012 tương ứng là: 61.322.300 VND và 8.046.915 VND.

Theo Biên bản kiểm tra thuế đối với các năm tài chính 2013 và 2014 của Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 1 năm 2016, số lỗ phát sinh từ các giai đoạn trước được chuyển sang năm 2013 và 2014 tương ứng là: 3.877.991.542 VND và 73.172.919.969 VND.

Kể từ năm 2011, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) có phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Khoản lỗ mang sang này được Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) kế thừa.

Số liệu chi tiết liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

(b) Thuế xuất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được rà soát và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản mục liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và sẽ giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2015 VND | 2014 VND |
|--|---------------|----------------|
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 8.256.317.449 | 72.729.913.285 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2015 | 2014 |
|---|-------------|-------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông | 122.124.280 | 122.124.280 |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2015 | 2014 |
|---|------|------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 68 | 595 |

28. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|---------------------|---------------------|
| | Phải thu/(Phải trả) | Phải thu/(Phải trả) |
| | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Quân đội <i>(Ngân hàng mẹ)</i> | | |
| Tiền gửi thanh toán | 136.147.595.524 | 439.182.935.353 |
| Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư | 174.732.327.095 | 222.878.896.303 |
| Phí dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp | 353.650.000 | 78.650.000 |
| Ủy thác góp vốn đầu tư dài hạn | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải trả khác | (335.336.653) | (356.691.099) |
| Công ty THNN Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Quân đội <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i> | | |
| Tiền thuê nhà | (263.814.313) | (263.814.313) |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i> | | |
| Góp vốn | - | 5.990.000.000 |
| Phải thu tiền cổ tức | - | 299.500.000 |
| Nhận tiền gửi giao dịch chứng khoán | (15.446.128.946) | (70.468.131) |
| Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Quân đội <i>(Công ty liên kết của Ngân hàng mẹ)</i> | | |
| Ứng trước phí tư vấn tài chính | 50.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Địa ốc MB <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i> | | |
| Góp vốn | - | 12.102.129.950 |
| Ứng trước phí tư vấn tài chính | - | (55.000.000) |

Ngân hàng TMCP Quân đội

(Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Thu lãi tiền gửi | 406.477.178 | 5.483.336.163 |
| Thu phí tư vấn | 250.000.000 | - |
| Thu phí quản lý tài sản | 6.475.574.095 | 5.606.291.133 |
| Thu phí quản lý cổ đông | 240.000.000 | - |
| Chi phí đại lý nhận lệnh và thuê văn phòng | (1.635.087.431) | (825.672.305) |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

(Công ty con của Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Thu phí giao dịch chứng khoán | 634.415.429 | 1.721.509.802 |
| Doanh thu cổ tức | 299.500.000 | - |
| Chi phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB | - | (169.542.860) |
| Chi phí lãi vay | - | (122.500.000) |
| Phí tư vấn | (365.251.907) | - |

Công ty Cổ phần Địa ốc MB

(Công ty con của Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|-------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Phí tư vấn giá cổ phiếu | - | 100.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | 678.456.000 | (169.614.000) |

Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản

(Công ty con của Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Chi phí tiền điện | (622.939.170) | (587.703.802) |
| Chi phí thuê văn phòng | (2.822.241.985) | (4.152.060.448) |
| Phí quản lý tài sản | (27.000.000) | (45.000.000) |
| Chi phí bảo vệ | (283.536.000) | - |

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Quân đội

(Công ty liên kết của Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Chi phí trả lãi tiền vay | (3.564.000.000) | (16.048.944.444) |
| Phí bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe ô tô | (929.103.952) | - |

Công ty cổ phần Việt R.E.M.A.X

(Công ty con của Ngân hàng mẹ)

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Tiền thuê văn phòng và tiền điện | (2.823.316.468) | (2.108.268.230) |

Ban Tổng Giám đốc

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|----------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Tiền lương và thưởng | (4.254.602.818) | (2.243.480.277) |

Ban Kiểm soát

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|---------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Thù lao | (472.215.667) | (80.000.000) |

Hội đồng Quản trị

| | 2015 Thu nhập/(Chi phí) VND | 2014 Thu nhập/(Chi phí) VND |
|---------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Thù lao | (2.485.957.322) | (1.430.894.644) |

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mục đích của Công ty là trở thành một công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường. Do vậy, Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro thị trường;
- rủi ro tín dụng; và
- rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, do hầu hết các công cụ tài chính trong năm đều có lãi suất cố định nên độ nhạy cảm với lãi suất là không đáng kể.

| Giá trị ghi sổ | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các công cụ tài chính có lãi suất cố định | | |
| Tài sản tài chính | 2.130.517.592.586 | 1.890.028.286.187 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 256.964.902.269 | 439.808.241.975 |
| Phải thu của khách hàng | 1.799.162.032.607 | 1.401.721.755.608 |
| Các khoản phải thu khác | 74.390.657.710 | 48.498.288.604 |
| Nợ phải trả tài chính | 1.187.593.829.443 | 965.958.141.925 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 300.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 517.593.829.443 | 365.958.141.925 |
| Vay và nợ dài hạn | 370.000.000.000 | - |

(i) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị (khi cần) phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 309.287.315.795 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ giảm tương ứng 28.100.650.871 VND hoặc tăng tương ứng 22.103.852.666 VND.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu của khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Mức rủi ro tín dụng tối đa được trình bày như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Không quá hạn và không bị suy giảm | 1.422.063.826.686 | 1.497.594.811.390 |
| <i>Phải thu của khách hàng</i> | 1.099.179.397.165 | 976.489.503.660 |
| <i>Các khoản phải thu khác</i> | 65.919.527.252 | 81.297.065.755 |
| <i>Tiền và tương đương tiền</i> | 256.964.902.269 | 439.808.241.975 |
| Quá hạn và không bị suy giảm | 339.172.217.814 | 147.402.631.911 |
| <i>Phải thu của khách hàng</i> | 339.172.217.814 | 147.402.631.911 |
| Quá hạn và bị suy giảm | 554.936.947.335 | 436.131.285.691 |
| <i>Phải thu của khách hàng</i> | 360.810.417.628 | 277.829.620.037 |
| <i>Các khoản phải thu khác</i> | 194.126.529.707 | 158.301.665.654 |
| | 2.316.172.991.835 | 2.081.128.728.992 |

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | Giá trị ghi sổ | Dòng tiền theo hợp đồng | Dưới 1 năm | Từ 1 – 5 năm |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay và nợ ngắn hạn | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - |
| Phải trả người bán | 3.518.864.930 | 3.518.864.930 | 3.518.864.930 | - |
| Chi phí phải trả | 22.293.974.120 | 22.293.974.120 | 22.293.974.120 | - |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 1.106.816.548.629 | 1.106.816.548.629 | 1.106.816.548.629 | - |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 503.945.191 | 503.945.191 | 503.945.191 | - |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 1.702.322.154 | 1.702.322.154 | 1.702.322.154 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 13.810.123.637 | 13.810.123.637 | 13.810.123.637 | - |
| Phải trả dài hạn khác | 695.733.943 | 695.733.943 | - | 695.733.943 |
| Vay và nợ dài hạn | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 | - | 370.000.000.000 |
| | 1.819.341.512.604 | 1.819.341.512.604 | 1.448.645.778.661 | 370.695.733.943 |

| Ngày 31 tháng 12 năm 2014 | Giá trị ghi sổ | Dòng tiền theo hợp đồng | Dưới 1 năm | Từ 1 – 5 năm |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------|--------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay và nợ ngắn hạn | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 | - |
| Phải trả người bán | 2.511.868.335 | 2.511.868.335 | 2.511.868.335 | - |
| Chi phí phải trả | 24.952.328.396 | 24.952.328.396 | 24.952.328.396 | - |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 917.136.727.822 | 917.136.727.822 | 917.136.727.822 | - |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 194.627.660 | 194.627.660 | 194.627.660 | - |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 727.941.688 | 727.941.688 | 727.941.688 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 204.484.271.615 | 204.484.271.615 | 204.484.271.615 | - |
| Phải trả dài hạn khác | 477.568.443 | 477.568.443 | - | 477.568.443 |
| | 1.750.485.333.959 | 1.750.485.333.959 | 1.750.007.765.516 | 477.568.443 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

(d) Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là các chứng khoán và/hoặc tiền trên tài khoản của nhà đầu tư.

Tổng giá trị của tài sản đảm bảo tương ứng với số dư phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|---|---------------------|---------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu tiền gốc các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư | 1.393.406.299.408 | 991.140.487.400 |
| Phải thu tiền lãi từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư | 46.065.272.341 | 50.956.285.684 |
| Tài sản đảm bảo | (2.605.726.033.564) | (1.782.516.649.680) |
| | (1.166.254.461.815) | (740.419.876.596) |

30. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Tại ngày 31/12/2015

| | Giá trị ghi sổ | | | | | Giá trị hợp lý |
|--|---|---------------------|-----------------|--------------------------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Cho vay và phải thu | Sẵn sàng để bán | Hạch toán theo giá trị phân bổ | Tổng cộng giá trị ghi sổ | |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - | 846.406.560.989 | 846.406.560.989 | 846.406.560.989 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 376.424.556.103 | - | - | - | 376.424.556.103 | (*) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | - | 1.606.142.514.166 | - | - | 1.606.142.514.166 | (*) |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | 194.690.894.454 | - | 194.690.894.454 | (*) |
| Tài sản dài hạn khác | - | 3.153.360.545 | - | - | 3.153.360.545 | (*) |
| | 376.424.556.103 | 1.609.295.874.711 | 194.690.894.454 | 846.406.560.989 | 3.026.817.886.257 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | (*) |
| Phải trả người bán | - | - | - | 3.518.864.930 | 3.518.864.930 | (*) |
| Chi phí phải trả | - | - | - | 22.293.974.120 | 22.293.974.120 | (*) |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | - | - | 1.106.816.548.629 | 1.106.816.548.629 | (*) |
| Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | - | - | - | 503.945.191 | 503.945.191 | (*) |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | - | - | - | 1.702.322.154 | 1.702.322.154 | (*) |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | - | - | - | 13.810.123.637 | 13.810.123.637 | (*) |
| Phải trả dài hạn khác | - | - | - | 695.733.943 | 695.733.943 | (*) |
| Vay và nợ dài hạn | - | - | - | 370.000.000.000 | 370.000.000.000 | (*) |
| | - | - | - | 1.819.341.512.604 | 1.819.341.512.604 | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31/12/2014

| | Giá trị ghi sổ | | | | Tổng cộng giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
|--|---|---------------------|-----------------|--------------------------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Cho vay và phải thu | Sẵn sàng để bán | Hạch toán theo giá trị phân bổ | | |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | - | - | 989.814.534.602 | 989.814.534.602 | 989.814.534.602 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 463.228.852.339 | - | - | - | 463.228.852.339 | (*) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | - | 1.226.612.079.883 | - | - | 1.226.612.079.883 | (*) |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | 268.013.405.181 | - | 268.013.405.181 | (*) |
| Tài sản dài hạn khác | - | 652.360.545 | - | - | 652.360.545 | (*) |
| | 463.228.852.339 | 1.227.264.440.428 | 268.013.405.181 | 989.814.534.602 | 2.948.321.232.550 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 | (*) |
| Phải trả người bán | - | - | - | 2.511.868.335 | 2.511.868.335 | (*) |
| Chi phí phải trả | - | - | - | 24.952.328.396 | 24.952.328.396 | (*) |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | - | - | 917.136.727.822 | 917.136.727.822 | (*) |
| Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | - | - | - | 194.627.660 | 194.627.660 | (*) |
| Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | - | - | - | 727.941.688 | 727.941.688 | (*) |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | - | - | - | 204.000.749.216 | 204.000.749.216 | (*) |
| Phải trả dài hạn khác | - | - | - | 484.285.443 | 484.285.443 | (*) |
| | - | - | - | 1.750.008.528.560 | 1.750.008.528.560 | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | 31/12/2015 | 31/12/2014 |
|------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dưới 1 năm | 10.713.738.953 | 9.175.980.683 |
| Từ 1-5 năm | 16.997.198.855 | 25.960.097.809 |
| | <u>27.710.937.808</u> | <u>35.136.078.492</u> |

Ngày 16 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

